

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm:

- Lesson 1: Providing technical support for decision making
- Lesson 2: Functions of land - land tenure, land rights and land markets
- Lesson 3: Why we have to create map?
- Lesson 4: Coordinate position
- Lesson 5: Remote sensing to collect all earth's surface informations
- Lesson 6: Potential applications of geographic information system (GIS)

8. Mục tiêu học phần:

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các từ ngữ chuyên ngành về quản lý đất đai, giúp sinh viên hiểu biết các cấu trúc văn phạm chính thường sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành, mục tiêu là tạo tiền đề, giúp cho sinh viên có thể đọc hiểu, dịch được các tài liệu anh văn chuyên ngành.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Lesson 1: Providing technical support for decision making	5	5		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Lesson 2: Functions of land - land tenure, land rights and land markets	5	5		
Lesson 3: Why we have to create map?	5	5		
Lesson 4: Coordinate position	5	5		
Lesson 5: Remote sensing to collect all earth's surface informations	5	5		
Lesson 6: Potential applications of geographic information system (GIS)	5	5		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Lê Quang Trí, 2010. *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất đai (Land Use Planning)*. NXB Đại học Cần Thơ.
2. Vi Thị Quốc Khánh, 2015. *Tiếng anh chuyên ngành kiến trúc, xây dựng, quy hoạch và kỹ thuật xây dựng đô thị*. NXB Xây dựng.
3. Phạm Nhật Trường, 2016. *Bài giảng Hệ thống thông tin địa lý (GIS)*. Trường Đại học Nam Cần Thơ
4. Lê Văn Trung, 2011. *Giáo trình viễn thám*. NXB Giáo dục.

10.2. Tài liệu tham khảo bổ sung

1. D.R. Green, D. Rix, and J. Cadoux Hudson (eds), 1994. *Geographic Information. The source book for GIS*. Association for geographic information AGI. Taylor & Francis. 539 pp.
2. David J. Maguire, Michael F Goodchild, and David W Rhind (eds), 1991. *Geographic information systems : Principles and application. Volume 1 : Principle*. Longman scientific & technical. John Wiley & Sons, Inc, New York, USA.
3. David J. Maguire, Michael F Goodchild, and David W Rhind (eds), 1991. *Geographic information systems : Principles and application. Volume 2 : Application*. Longman scientific & technical. John Wiley & Sons, Inc, New York, USA.

4. J. Ronald Eastman, 1997. *Idrisi for windows manual. Version 2.0. Clark labs for cartographic technology and geographuic analysis*. Clark University. Worcester, MA, USA.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

Cần Thơ, ngày 22 tháng 12 năm 2013

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: BẠC MÀU VÀ BẢO VỆ ĐẤT ĐAI

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm:

Chương 1: Giới thiệu

Chương 2: Phân loại bạc màu đất

Chương 3: Bạc màu đất lý học

Chương 4: Bạc màu đất hóa học

Chương 5: Bạc màu đất sinh học

Chương 6: Địa chất và bạc màu đất

Chương 7: Vấn đề bạc màu đất trên trái đất

Chương 8: Ảnh hưởng của kinh tế, xã hội và chính trị

Chương 9: Một số biện pháp bảo tồn tài nguyên đất

8. Mục tiêu học phần:

Thông qua lý thuyết và thảo luận chuyên đề, sinh viên sẽ được lĩnh hội và có các kỹ năng:

- Trang bị cho sinh viên kiến thức hiểu biết các tiến trình bạc màu đất, kiến thức về các kiểu bạc màu đất quan trọng nhất, phân biệt các loại hình bạc màu đất khác nhau và biết đánh giá, quản lý tốt tài nguyên đất đai.

- Sinh viên sẽ được giới thiệu về vị trí, vai trò và nhiệm vụ của môn học đối với các ngành khoa học có liên quan. Thực trạng vấn đề bạc màu đất trên thế giới, ở Việt Nam và

Đồng bằng sông Cửu Long. Đặc biệt, những nội dung chính như thang đánh giá GLASOD, dạng, loại và các kiểu hình bạc màu đất cũng như các biện pháp bảo vệ tài nguyên đất đai sẽ được hướng dẫn và giải thích.

- Ngoài ra, còn có sơ đồ (trình bày các lĩnh vực có liên quan) hướng dẫn để sinh viên biết cách giải quyết tình huống, đưa môn học vào thực tế sản xuất nông nghiệp nhằm sử dụng và bảo tồn tài nguyên đất đai theo hướng bền vững.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1: Giới thiệu	3	3		
Chương 2: Phân loại bạc màu đất	3	3		
Chương 3: Bạc màu đất lý học	3	3		
Chương 4: Bạc màu đất hóa học	3	3		
Chương 5: Bạc màu đất sinh học	3	3		
Chương 6: Địa chất và bạc màu đất	3	3		
Chương 7: Vấn đề bạc màu đất trên trái đất	4	4		
Chương 8: Ảnh hưởng của kinh tế, xã hội và chính trị	4	4		
Chương 9: Một số biện pháp bảo tồn tài nguyên đất	4	4		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

- Lê Văn Khoa và Trần Bá Linh, 2013. *Giáo trình Bạc màu đất và bảo tồn tài nguyên đất*. NXB Đại học Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo bổ sung

1. Lê Văn Khoa, 1995. *Môi trường và Ô nhiễm*. NXB Giáo dục.
2. Nguyễn Văn Tuyên, 2000. *Sinh thái và Môi trường*. NXB Giáo dục.
3. Nguyễn Công Bình và cộng sự, 1995. *ĐBSCL nghiên cứu và phát triển*. NXB Khoa học xã hội. Hà nội.

4. Nguyễn Văn Tuyên, 1997. *Sinh thái và môi trường*. NXB Giáo dục.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: CÁC TRỞ NGẠI CỦA ĐẤT VÀ CÁCH QUẢN LÝ

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm

Chương 1: Tổng quát về các trở ngại của đất

Chương 2: Đất mặn và đất ngập mặn Sodic

Chương 3: Đất phèn và tính chất bất lợi

Chương 4: Đất bạc màu, đất than bùn và sự suy thoái đất

8. Mục tiêu học phần:

- Giúp SV hiểu các tính chất bất lợi của đất có vấn đề, biện pháp cải thiện, quản lý và sử dụng hiệu quả

- Giúp sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản về đất có vấn đề như đất phèn, đất xám bạc màu, đất cát, đất mặn, đất sodic và đất than bùn.

- Trang bị cho sinh viên về phương pháp nhận định vấn đề khó khăn của mỗi loại đất, cơ sở lý luận để giải quyết các trở ngại và quản lý đất có vấn đề theo hướng hiệu quả và bền vững.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương I: Tổng quát về các trở ngại của đất	6	6		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
1. Các yếu tố đưa đến sự suy thoái đất 2. Những trở ngại chính của đất ở Việt Nam				
Chương II: Đất mặn và đất ngập mặn Sodic 1. Hệ thống đánh giá ảnh hưởng của đất mặn 2. Xác định đất mặn, kiềm, sodic 3. Tính chất bất lợi của đất mặn và đất mặn sodic 4. Sự xâm nhiễm mặn ở ĐBSCL	6	6		
Chương III. Đất phèn và tính chất bất lợi 1. Nguồn gốc và quá trình hình thành 2. Đặc tính hóa học của đất phèn 3. Đặc tính vật lý 4. Đặc tính bất lợi của đất phèn 5. Tác động môi trường của việc cải tạo đất phèn	9	9		
Chương IV. Đất bạc màu, đất than bùn và sự suy thoái đất 1. Các hình thức suy thoái đất về mặt hoá học 2. Đất giồng cát và đất vùng đồi núi 3. Đất phù sa cổ bạc màu 4. Đất than bùn 5. Các nghiên cứu ở ĐBSCL	9	9		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

- Lê Văn Khoa và Trần Bá Linh, 2013. *Giáo trình Bạc màu đất và bảo tồn tài nguyên đất*. NXB Đại học Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo bổ sung

1. Đỗ Thị Thanh Ren, Võ Thị Gương, Nguyễn Mỹ Hoa, Trần Thành Lập, Võ Quang Minh, 1993. *Fertilization of nitrogen, phosphorus, potassium and lime for rice on acid sulphate soils in the Mekong delta Viet Nam*.
2. Lê Quang Trí, 1996. *Developing management packages for Acid Sulphate Soils based on farmer and expert knowledge. Ph. D Thesis Landbouwniversiteit*

Wageningen, The Netherlands.

3. Nguyễn Mỹ Hoa, 1985. *Hiệu quả của việc bón vôi trên năng suất lúa trồng trên đất phèn Sulfaquepts, Hoa an, Phung Hiệp, Hậu Giang*. Báo cáo khoa học Khoa Nông Nghiệp, ĐH Cần Thơ.
4. Võ Thị Gương, 1985. *Hiệu quả của phân NPK trên năng suất lúa trồng trên đất phèn Sulfaquepts, Hoa An, Phung Hiệp, Hậu Giang*. Bao cao khoa hoc Khoa Nông Nghiệp Đại Học Cần Thơ, 1985.
5. Breemen, N.Van, 1992. *Enviromental aspects of acid sulfate soils*. Paper to be presented for the 4 th International Symposium on acid sulfate soils. Việt nam, March, 1992.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN ĐẤT ĐAI

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm:

Chương I: Mở đầu

Chương II: Đất đai và nguồn tài nguyên đất đai

Chương III: Tài nguyên đất đai tự nhiên

Chương IV: Đơn vị bản đồ và sử dụng đất đai

Chương V: Phân vùng, lĩnh vực và chiến lược quản lý tài nguyên đất

8. Mục tiêu học phần:

- Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về đất đai và biết làm thế nào để xây dựng các đơn vị đất đai trên cơ sở của các đặc tính đất đai. Sự liên quan giữa đất đai và sử dụng đất đai với các yếu tố tác động trong hệ thống sử dụng đất đai. Từ đó sinh viên có thể so sánh trong điều kiện thực tế.

- Giúp sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của điều kiện tự nhiên của đất đai đối với việc phân chia sử dụng đất đai trong các vùng có điều kiện tự nhiên khác nhau.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương I: Mở đầu	5	5		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
1. Thực trạng 2. Vấn đề sử dụng đất đai trên thế giới				
Chương II: Đất đai và nguồn tài nguyên đất đai 1. Đất đai 2. Nguồn tài nguyên đất đai 3. Chức năng của tài nguyên đất đai	5	5		
Chương III: Tài nguyên đất đai tự nhiên 1. Khí hậu 2. Thảm thực vật 3. Nước 4. Địa hình 5. Đất	5	5		
Chương IV: Đơn vị bản đồ và sử dụng đất đai 1. Đơn vị bản đồ đất đai 2. Sử dụng đất đai	8	8		
Chương V: Phân vùng, lĩnh vực và chiến lược quản lý tài nguyên đất đai 1. Tổng quát 2. Sự kết nối giữa quy hoạch sử dụng đất nông thôn, ven đô và đô thị 3. Phương pháp tổng hợp 4. Những vấn đề cần quan tâm 6. Những chỉ thị cho tính bền vững 7. Một vài vấn đề quan trọng được giải quyết thông qua phương pháp tổng hợp 8. Chiến lược quản lý bền vững nguồn tài nguyên đất đai	7	7		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Lê Quang Trí, 2010. *Giáo trình Đánh giá đất đai*. NXB Đại học Cần Thơ.

2. Lê Quang Trí, 2010. *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất đai (Land Use Planning)*. NXB Đại học Cần Thơ

10.2. Tài liệu tham khảo bổ sung

1. A framework for land evaluation. Của FAO Soil Bulletin 32, FAO, Rome. 1976.
2. Guidelines: Land evaluation for rainfed agriculture. Của FAO Soil Bulletin 52. FAO, Rome. 1983.
3. Guidelines: Land Evaluation for Irrigated agriculture. Của FAO Soils Bulletin 55. FAO, Rome. 1985.
4. Land evaluation and farming system analysis for land use planning. Của Fresco, L.O.; H.G.J. Huizing; H. van Keulen; H.A. Luning and R.A. Schipper, 1993. FAO/ITC/Wageningen Agricultural University. FAO Working Document.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: ĐÁNH GIÁ ĐẤT (LAND EVALUATION)

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm

Chương 1. Tổng quan về đánh giá đất đai

Chương 2: Đất đai

Chương 3: Sử dụng đất đai và hệ thống sử dụng đất đai

Chương 4: Tổng quan về quy trình đánh giá đất đai

Chương 5: Đánh giá đất đai theo FAO

8. Mục tiêu học phần:

- Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về đất đai và biết làm thế nào ứng dụng quy trình để xây dựng các đơn vị đất đai trên cơ sở của các đặc tính đất đai. Sự liên quan giữa đất đai và sử dụng đất đai với các yếu tố tác động trong hệ thống sử dụng đất đai.

- Trang bị cho sinh viên về phương pháp đánh giá khả năng thích nghi của đất đai, từ đó làm cơ sở cho sinh viên phân chia sử dụng đất đai trong thực tế.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ ĐẤT ĐAI	6	6		
1.1. Các khái niệm				

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
1.2. Một số mục tiêu nghiên cứu về đánh giá đất đai 1.3. Các hệ thống đánh giá phân hạng thích nghi đất đai 1.4. Mức độ chi tiết và tỉ lệ bản đồ cho đánh giá đất đai 1.5. Phương pháp cho đánh giá đất đai				
CHƯƠNG II: ĐẤT ĐAI 2.1. Định nghĩa 2.2. Tài nguyên đất đai tự nhiên 2.3. Vai trò và ý nghĩa của đất đai 2.4. Chức năng của đất đai	6	6		
CHƯƠNG III: SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI VÀ HỆ THỐNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI 3.1. Sử dụng đất đai 3.2. Hệ thống sử dụng đất đai 3.3. Hệ thống canh tác 3.4. Mối quan hệ giữa các hệ thống trong sử dụng đất đai	6	6		
CHƯƠNG IV: TỔNG QUAN VỀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ ĐẤT ĐAI 4.1. Tổng quan 4.2. Quy trình đánh giá đất đai 4.3. Cấu trúc phân hạng thích nghi đất đai 4.4. Đánh giá đất đai định lượng và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong đánh giá đất đai	6	6		
CHƯƠNG V: ĐÁNH GIÁ ĐẤT ĐAI THEO FAO 5.1. Xây dựng bản đồ đơn vị đất đai 5.2. Chọn lọc và mô tả kiểu sử dụng đất đai 5.3. Chọn lọc chất lượng đất đai cho đánh giá đất đai 5.4. Yêu cầu sử dụng đất đai cho đánh giá đất đai 5.5. Đối chiếu phân hạng thích nghi đất đai 5.6. Phân hạng khả năng thích nghi đất đai 5.7. Cấu trúc của phân hạng thích nghi đất đai	6	6		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Lê Quang Trí, 2010. *Giáo trình Đánh giá đất đai*. NXB Đại học Cần Thơ.
2. Lê Quang Trí, 2010. *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất đai (Land Use Planning)*. NXB Đại học Cần Thơ

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai, Kỹ thuật Môi trường, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Bất động sản, Kỹ thuật công trình xây dựng

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

- **Phần 1:** Cơ sở khoa học của việc đánh giá tác động môi trường: phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên các khái niệm về môi trường, phát triển bền vững và đánh giá tác động môi trường. Bản chất của hệ môi trường, nguyên lý đánh giá tác động môi trường.
- **Phần 2:** Nội dung quản lý môi trường môi trường: phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quản lý môi trường, cơ sở pháp luật và những hoạt động hiện nay của nhà nước về việc quản lý môi trường.
- **Phần 3:** Phương pháp đánh giá tác động môi trường: phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên các dạng dự án, phương pháp viết báo cáo đánh giá tác động môi trường, các quy định cũng như thủ tục xin thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường...

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu của môn học hướng tới đào tạo cho sinh viên kiến thức chuyên sâu thuộc lĩnh vực ngành Quản lý đất đai và kỹ năng thực hiện công tác quản lý môi trường theo xu hướng phát triển hiện đại, cụ thể:

- **Kiến thức:** Môn học giới thiệu và trang bị cho sinh viên các kiến thức về đánh giá tác động môi trường, kỹ thuật và phương pháp nhận dạng, đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường do các hoạt động của dự án phát triển mang lại.

- **Kỹ năng:** Sau khi hoàn thành chương trình môn học, sinh viên không những có kiến thức về đánh giá tác động môi trường mà có cả kỹ năng thực hiện đánh giá tác động môi trường cũng như thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kỹ năng làm việc theo nhóm để thực hiện các nhiệm vụ trong quá trình thực hiện Đánh giá tác động môi trường.

- **Thái độ, tính chuyên cần:** Tạo cho sinh viên thái độ nghiêm túc trong giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường. Nâng cao tính tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên thông qua việc giao các bài tập và tiểu luận cho sinh viên thực hiện ở nhà.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Phần 1: Giới thiệu môn học - Hình thức đánh giá và tài liệu tham khảo. Trong phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu sơ bộ: Các phần của môn học; - Yêu cầu và mục đích của các bài tập số 1 & 2; - Mục đích và yêu cầu của chuyến tham quan nhà máy và cách thức đánh giá môn học, tài liệu cần tham khảo sinh viên cần tham khảo và cách thức tìm tài liệu tham khảo...	5	5		
Phần 2: Các khái niệm và nguyên lý trong đánh giá tác động môi trường. Chương 1: Giới thiệu chung 1.1. Khái niệm về môi trường và các chức năng của môi trường, phát triển và phát triển bền vững, bền vững sinh thái. 1.2. Mâu thuẫn giữa phát triển và bảo vệ môi trường. Chương 2: Bản chất và cách tiếp cận hệ thống trong ĐTM. 2.1. Chất lượng môi trường. - Tải lượng tới hạn. - Năng lực tải của môi trường. 2.2. Cách tiếp cận hệ thống trong ĐTM. - Các vấn đề cần phải xem xét khi cân bằng hệ sinh thái bị thay đổi (tính ổn định, tính đàn hồi của hệ môi	10	10		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
trường, miễn ảnh hưởng của dự án,..). 2.3. Cân bằng hệ sinh thái. - Cân bằng hệ sinh thái. - Tính ổn định và tính đàn hồi của hệ thống môi trường. - Miễn ảnh hưởng. Chương 3: Đánh giá tác động môi trường. - Định nghĩa ĐTM. - Nhiệm vụ của ĐTM. - Các dạng đánh giá tác động môi trường và nội dung cơ bản của ĐTM.				
Phần 3: Kỹ thuật và phương pháp ĐTM. Chương 4: Chỉ thị và chỉ số môi trường. 4.1. Chỉ thị và chỉ số môi trường. - Khái niệm về chỉ thị môi trường. - Các loại chỉ thị môi trường. - Ứng dụng chỉ thị môi trường trong đánh giá tác động môi trường. - Khái niệm về chỉ số môi trường. - Các dạng chỉ số môi trường. - Các yêu cầu khi xây dựng chỉ số môi trường. - Phương pháp xây dựng chỉ số môi trường của Quỹ vệ sinh Hoa kỳ. 4.2. Chỉ số môi trường Chương 5: Kỹ thuật và phương pháp ĐTM 5.1. Nhiệm vụ và mục đích của các kỹ thuật và phương pháp ĐTM. 5.2. Các yếu tố cần xem xét khi xây dựng và áp dụng các kỹ thuật đánh giá tác động môi trường. 5.3. Một số kỹ thuật thông dụng trong ĐTM đã và đang áp dụng. - Phương pháp/kỹ thuật mô tả (ad-hoc and description methods).	10	10		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
- Phương pháp liệt kê và bảng câu hỏi (Checklist): . - Phương pháp mạng lưới. - Phương pháp lợi ích chi phí. - Phương pháp chồng bản đồ. - Phương pháp Matrận (Leopold) - Phương pháp EES (Battelle). - Phương pháp đánh giá nhanh. Chương 6: Quan trắc và hệ thống quan trắc trong ĐTM.				
Phần 4: Quy định và thủ tục ĐTM. Chương 7: Quy định và thủ tục ĐTM 7.1. Các quy định có liên quan đến ĐTM. 7.2. Thủ tục xin thẩm định và cấp giấy chứng nhận. 7.3. Hướng dẫn lập báo cáo ĐTM và ôn tập	5	5		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Nguyễn Thị Thanh Trúc, 2016. *Bài giảng Đánh giá tác động môi trường*. Trường Đại học Nam Cần Thơ.
2. Cù Huy Đầu, 2010. *Đánh giá tác động môi trường*. NXB Xây dựng

10.2. Tài liệu tham khảo bổ sung

1. Duggin, J. D., 1999. Impact Assessment in Natural Resources Management: Book A- Introduction: Concepts and Principles, University of New England, Armidale, NSW.
2. Glasson, J., Therivel, R. & Chadwick, A, 1999. Introduction to Environmental Impact Assessment, 2nd edn, UCL Press, London, UK.
3. Lee, N & George, C. (eds), 2000. Environmental Assessment in Developing and Transitional Countries: Principles, Methods and Practice, University of Manchester, UK.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: ĐỊA CHẤT

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm

Chương 1 - Cấu tạo trái đất - địa hình

Chương 2 - Các tinh khoáng tạo thành đá

Chương 3 - Các loại đá cấu tạo vỏ trái đất

Chương 4 - Tác dụng của dòng nước - sông

Chương 5 - Tác dụng của biển và đại dương

Chương 6 - Tác dụng của không khí và gió

8. Mục tiêu học phần:

Học phần địa chất đại cương sẽ cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về cấu tạo của Trái Đất, cấu tạo vỏ Trái Đất, các đặc tính nhận diện của tinh khoáng và đá, cũng như các dấu hiệu để nhận diện đá và tinh khoáng, từ đó SV có thể phân biệt được tinh khoáng và đá; các loại tinh khoáng; các loại đá với nhau. Học phần này còn cung cấp cho SV những kiến thức để có thể giải thích các hiện tượng trong tự nhiên có liên quan đến địa chất như tác dụng của dòng nước chảy trên mặt; tác dụng của biển hay tác dụng của không khí đối với đá và tinh khoáng.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
CHƯƠNG I - CẤU TẠO TRÁI ĐẤT - ĐỊA HÌNH	8	8		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
1.1. Cấu tạo trái đất 1.2. Địa hình bề mặt trái đất 1.3. Lịch sử hình thành trái đất				
CHƯƠNG II - CÁC TINH KHOÁNG TẠO THÀNH ĐÁ 2.1. Khái niệm tinh khoáng 2.2. Các đặc tính chung của tinh khoáng 2.3. Các tinh khoáng tạo thành đá	8	8		
CHƯƠNG III - CÁC LOẠI ĐÁ CẤU TẠO VỎ TRÁI ĐẤT 3.1. Khái niệm đá, chu trình nham thạch 3.2. Các đặc tính của đá 3.3. Các loại đá cấu tạo vỏ Trái Đất	8	8		
CHƯƠNG IV - TÁC DỤNG CỦA DÒNG NƯỚC - SÔNG 4.1. Khái niệm 4.2. Tác dụng của sông	6	6		
CHƯƠNG V - TÁC DỤNG CỦA BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG 5.1. Khái niệm 5.2. Tác dụng của đại dương	6	6		
CHƯƠNG VI - TÁC DỤNG CỦA KHÔNG KHÍ VÀ GIÓ 6.1. Khái niệm 6.2. Tác dụng của không khí và gió	4	4		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Đỗ Tạo, 2011. *Địa chất công trình*.
2. La Thị Chích và Phạm Huy Long, 2011. *Giáo trình Địa chất kiến trúc và đo vẽ bản đồ địa chất*. NXB Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh.
3. Đặng Xuân Phong và Đặng Xuân Phú, 2016. *Cẩm nang địa chất tìm kiếm*. NXB

Xây dựng

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (bài tập).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: ĐỒ HỌA VÀ THIẾT KẾ CẢNH QUAN ĐÔ THỊ

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm

Chương 1: Một số khái niệm cơ bản

Chương 2: Lịch sử kiến trúc cảnh quan thế giới

Chương 3: Cơ sở tự nhiên ảnh hưởng đến cảnh quan Kiến trúc

Chương 4: Các nguyên tắc thiết kế cảnh quan

Chương 5: Thiết kế kiến trúc khu nhà ở

8. Mục tiêu học phần:

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các khái niệm, các loại hình kiến trúc cảnh quan, các khuynh hướng phát triển nghệ thuật thiết kế cảnh quan đô thị. Các nguyên tắc đồ họa, thiết kế cảnh quan đô thị. Các kiến thức về đặc điểm tự nhiên và xã hội tác động đến việc thiết kế cảnh quan, mối quan hệ giữa không gian cảnh quan với không gian đô thị. Các thông số kỹ thuật cơ bản trong thiết kế, công trình, cây xanh đô thị. Kiến thức về các phần mềm đồ họa, thiết kế bản vẽ dạng 2D, 3D.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1: Một số khái niệm cơ bản	3	3		
Chương 2: Lịch sử kiến trúc cảnh quan thế giới	3	3		
Chương 3: Cơ sở tự nhiên ảnh hưởng đến cảnh	6	6		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
quan Kiến trúc				
Chương 4: Các nguyên tắc thiết kế cảnh quan	9	9		
Chương 5: Thiết kế kiến trúc khu nhà ở	9	9		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Phạm Trọng Mạnh, 2013. *Giáo trình Quản lý đô thị*. NXB Xây dựng.
2. Đặc Thái Hoàng, 2010. *Giáo trình Lịch sử đô thị*. NXB Xây dựng
3. Nguyễn Quốc Thông, 2013. *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại phương tây*. NXB Xây dựng.
4. Đỗ Hậu và Nguyễn Đình Bồng, 2015. *Quản lý Đất đai và bất động sản đô thị*. NXB Xây dựng.
5. Nguyễn Văn Tiến, 2011. *Vẽ kỹ thuật Autocad*. NXB Giáo dục.
6. Phạm Văn Nhuận, 2011. *Bài tập có hướng dẫn vẽ ứng dụng Autocad*. NXB Giáo dục.
7. Phạm Nguyễn Tấn Long, 2011. *Các kỹ năng & thủ thuật t/kế bản vẽ AutoCad 2008 Pro*. NXB Giáo dục

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: ĐỒ HỌA VÀ THIẾT KẾ CẢNH QUAN ĐÔ THỊ - THỰC HÀNH

2. Số tín chỉ: 1 (0,1).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 TH).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm

Chương 1: Làm quen với Autocad và các lệnh cơ bản

Chương 2: Lệnh hiệu chỉnh tạo hình hình học và các phép biến đổi, sao chép.

Hiệu chỉnh kích thước, văn bản và quản lý bản vẽ

Chương 3: Xuất bản vẽ từ ACad sang Max, thiết lập bản vẽ và dựng hình cơ bản

Chương 4: Hiệu chỉnh khối, sử dụng vật liệu và ánh sáng

Chương 5: Tạo camera, render

Chương 6: Làm quen với photoshop, xuất bản vẽ từ autocad sang photoshop và tô màu cho đối tượng, tạo vùng chọn và làm việc với layer

Chương 7: Xử lý ảnh hiện trạng từ ảnh chụp và hình xuất từ 3dmax

Chương 8: Sử dụng bộ lọc filter và một số công cụ tạo hiệu ứng cho phối cảnh

Chương 9: Vẽ phối cảnh một khu thực tế

8. Mục tiêu học phần:

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các khái niệm, các loại hình kiến trúc cảnh quan, các khuynh hướng phát triển nghệ thuật thiết kế cảnh quan đô thị. Các nguyên tắc đồ họa, thiết kế cảnh quan đô thị. Các kiến thức về đặc điểm tự nhiên và xã hội tác động đến việc thiết kế cảnh quan, mối quan hệ giữa không gian cảnh quan với không gian đô

thị. Các thông số kỹ thuật cơ bản trong thiết kế, công trình, cây xanh đô thị. Kiến thức về các phần mềm đồ họa, thiết kế bản vẽ dạng 2D, 3D.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1: Làm quen với Autocad và các lệnh cơ bản	3		3	
Chương 2: Lệnh hiệu chỉnh tạo hình hình học và các phép biến đổi, sao chép. Hiệu chỉnh kích thước, văn bản và quản lý bản vẽ	3		3	
Chương 3: Xuất bản vẽ từ ACad sang Max, thiết lập bản vẽ và dựng hình cơ bản	3		3	
Chương 4: Hiệu chỉnh khối, sử dụng vật liệu và ánh sáng	3		3	
Chương 5: Tạo camera, render	3		3	
Chương 6: Làm quen với photoshop, xuất bản vẽ từ autocad sang photoshop và tô màu cho đối tượng, tạo vùng chọn và làm việc với layer	3		3	
Chương 7: Xử lý ảnh hiện trạng từ ảnh chụp và hình xuất từ 3dmax	2		2	
Chương 8: Sử dụng bộ lọc filter và một số công cụ tạo hiệu ứng cho phối cảnh	2		2	
Chương 9: Vẽ phối cảnh một khu thực tế	8		8	
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	0	30	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Phạm Trọng Mạnh, 2013. *Giáo trình Quản lý đô thị*. NXB Xây dựng.
2. Đặc Thái Hoàng, 2010. *Giáo trình Lịch sử đô thị*. NXB Xây dựng
3. Nguyễn Quốc Thông, 2013. *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại phương tây*. NXB Xây dựng.
4. Đỗ Hậu và Nguyễn Đình Bồng, 2015. *Quản lý Đất đai và bất động sản đô thị*. NXB Xây dựng.
5. Nguyễn Văn Tiến, 2011. *Vẽ kỹ thuật Autocad*. NXB Giáo dục.

6. Phạm Văn Nhuận, 2011. *Bài tập có hướng dẫn vẽ ứng dụng Autocad*. NXB Giáo dục.
7. Phạm Nguyễn Tấn Long, 2011. *Các kỹ năng & thủ thuật t/kế bản vẽ AutoCad 2008 Pro*. NXB Giáo dục.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh).
- Thường xuyên: 30% (Bài tập).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Thực hành trên máy tính).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm

Chương 1 - Giới thiệu tổng quan về ngôn ngữ lập trình Visual C#

Chương 2 - Project manager - Database designer

Chương 3 - Lập trình cơ bản

Chương 4 - Tạo Form nhập liệu

Chương 5 - Tìm kiếm thông tin

Chương 6 - Tạo Report - Menu

8. Mục tiêu học phần:

Giúp cho sinh viên nắm được phương pháp xây dựng và từng bước thiết kế một cơ sở dữ liệu, xây dựng một ứng dụng phục vụ công tác quản lý cơ sở dữ liệu địa chính bằng tin học.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1 - Giới thiệu tổng quan về ngôn ngữ lập trình Visual C# 1.1. Giới thiệu 1.2. Các thành phần cơ bản trong ngôn ngữ Visual C# 1.3. Cách tổ chức, lưu trữ và quản lý trong Visual C#	5	5		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 2 - Project manager - Database designer 2.1. Tạo và quản lý project 2.2. Tạo cơ sở dữ liệu 2.3. Bảng dữ liệu 2.4. Mối quan hệ giữa các bảng dữ liệu	5	5		
Chương 3 - Lập trình cơ bản 3.1. Giới thiệu về lập trình Visual C# 3.2. Biểu thức, biến, hằng, hàm 3.3. Các phép toán 3.4. Các cấu trúc điều khiển 3.5. Một số lệnh và hàm thông dụng	5	8		
Chương 4 - Tạo Form nhập liệu 4.1. Tạo Form nhập liệu bằng công cụ Wizard 4.2. Tạo Form nhập liệu bằng công cụ Designer	5	5		
Chương 5 - Tìm kiếm thông tin 5.1. Tạo truy vấn (Query) 5.2. Tạo Views	5	5		
Chương 6 - Tạo Report - Menu 6.1. Sử dụng công cụ Report Wizard 6.2. Hiệu chỉnh Teport 6.3. Tạo Menu	5	5		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Nguyễn Thị Trà Linh, 2013. *Giáo trình hệ quản trị cơ sở dữ liệu*. Trường Đại học Quốc gia TP. HCM.

10.2. Tài liệu tham khảo bổ sung

1. Nguyễn An Tế, 1996. *Giáo trình nhập môn cơ sở dữ liệu*. Khoa Công Nghệ Thông Tin, ĐHKHTN, Đại Học Quốc Gia Tp.HCM
2. Phạm Gia Tiến, Phạm Thế Phi, 2007. *Hệ Quản trị cơ sở dữ liệu*. Khoa Công nghệ

thông tin ĐH Cần Thơ.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: HỆ SINH THÁI ĐẤT NGẬP NƯỚC

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm

Chương 1: Khái niệm về đất ngập nước và các hệ sinh thái đất ngập nước

Chương 2: Chức năng của đất ngập nước

Chương 3: Chế độ thủy văn của đất ngập nước

Chương 4: Đặc tính của đất ngập nước

Chương 5: Đa dạng sinh học của đất ngập nước

Chương 6: Quản lý và nghiên cứu về đất ngập nước

8. Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên có kiến thức về hệ sinh thái đất ngập nước trong nước cũng như trên thế giới; Giới thiệu cho sinh viên về các chế độ thủy văn của đất ngập nước; Cung cấp cho sinh viên các đặc tính hóa, lý, sinh học của đất ngập nước; Giúp sinh viên hiểu được vai trò của hệ sinh thái đất ngập nước đối với môi trường và nguồn lợi kinh tế cho con người; Giới thiệu cho sinh viên về các biện pháp quản lý và các nghiên cứu đất ngập nước.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1 - Chương 1: Khái niệm về đất ngập nước và các hệ sinh thái đất ngập nước	5	5		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 2: Chức năng của đất ngập nước	5	5		
Chương 3: Chế độ thủy văn của đất ngập nước	5	5		
Chương 4: Đặc tính của đất ngập nước	5	5		
Chương 5: Đa dạng sinh học của đất ngập nước	5	5		
Chương 6: Quản lý và nghiên cứu về đất ngập nước	5	5		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phân tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Vũ Trung Tạng, 2009. *Sinh thái học các hệ cửa sông Việt Nam*. NXB Giáo dục.
2. Hồng Cẩm Ngân, 2017. *Bài giảng Hệ sinh thái đất ngập nước*. Trường Đại học Nam Cần Thơ.
3. Nguyễn Thị Kim Thái và Lê Thị Hiền Thảo, 2012. *Sinh thái học và bảo vệ môi trường*. NXB Xây dựng.

10.2. Tài liệu tham khảo bổ sung

1. Lê Huy Bá, 1996. *Sinh thái môi trường đất*. NXB Nông Nghiệp.
2. Lê Văn Khoa, Nguyễn Cử, Trần Thiện Cường, Nguyễn Xuân Huân, 2005. *Đất ngập nước*. NXB Giáo Dục.
3. Nguyễn Hoàng Trí, 1996. *Thực vật rừng ngập mặn Việt Nam*. NXB Bản đồ Hà Nội..

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: HỆ SINH THÁI NÔNG NGHIỆP

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm

Chương 1: Giới thiệu về cuộc cách mạng xanh và hệ sinh thái nông nghiệp

Chương 2: Thứ bậc và cấu trúc hệ sinh thái nông nghiệp

Chương 3: Các quy trình phân tích hệ sinh thái nông nghiệp

Chương 4: Các giản đồ venn và các mô hình hệ sinh thái nông nghiệp bền vững

8. Mục tiêu học phần:

Trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên về hệ sinh thái nông nghiệp, giúp quản lý và phát triển nông nghiệp bền vững.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU VỀ CUỘC CÁCH MẠNG XANH VÀ HỆ SINH THÁI NÔNG NGHIỆP 1. Lịch sử cuộc cách mạng xanh trên thế giới 2. Hệ sinh thái nông nghiệp và các kiến thức có liên quan	5	5		
CHƯƠNG II: THỨ BẬC VÀ CẤU TRÚC HỆ SINH THÁI NÔNG NGHIỆP	5	5		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
1. Các thứ bậc của hệ sinh thái nông nghiệp liên hệ đến hệ sinh thái tự nhiên 2. Các cấu trúc của hệ sinh thái nông nghiệp				
CHƯƠNG III: CÁC QUY TRÌNH PHÂN TÍCH HỆ SINH THÁI NÔNG NGHIỆP 1. Xác định mục tiêu và mục đích 2. Xác định không gian, thời gian, lịch thời vụ và quyết định	10	10		
CHƯƠNG IV: CÁC GIẢN ĐỒ VENN VÀ CÁC MÔ HÌNH HỆ SINH THÁI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG 1. Cách thiết lập giản đồ Venn 2. Giới thiệu các mô hình hệ sinh thái nông nghiệp bền vững	10	10		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

- Nguyễn Thị Kim Thái và Lê Thị Hiền Thảo, 2012. *Sinh thái học và bảo vệ môi trường*. NXB Xây dựng.

10.2. Tài liệu tham khảo bổ sung

1. Nguyễn Dục, Nguyễn Trọng Hiếu, 2000. *Thổ Nhưỡng và Sinh Quyển*. Nxb Giáo Dục.
2. Dương Hữu Thời, 2000. *Cơ Sở Sinh Thái Học*. Nxb Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
3. Patrick C. Kangas, 2005. *Ecological Engineering: Principles and Practice*. Lewis Publishers
4. Alan Scragg, 1999. *Environmental Biotechnology*. Printed in Singapore.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).

- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: HỆ THỐNG CANH TÁC

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm

Chương 1: Giới thiệu môn học

Chương 2: Khái niệm về nghiên cứu hệ thống canh tác

Chương 3: Tiến trình nghiên cứu hệ thống canh tác

Chương 4: Các phương pháp sử dụng trong nghiên cứu và phát triển hệ thống canh tác

Chương 5: Nông nghiệp bền vững

8. Mục tiêu học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên môn sâu về các khái niệm hệ thống, phương pháp phân tích hệ thống canh tác và hệ sinh thái nông nghiệp. Giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức về phân tích hệ thống canh tác & hệ sinh thái nông nghiệp trong đánh giá, quy hoạch sử dụng đất đai phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU MÔN HỌC 1. Nguồn gốc và lịch sử phát triển môn học 2. Nông nghiệp và các giai đoạn phát triển nông nghiệp thế giới và Việt Nam	6	6		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
3. Bối cảnh và sự cần thiết nghiên cứu & phát triển HTCT ở Việt Nam				
CHƯƠNG 2: KHÁI NIỆM VỀ NGHIÊN CỨU HỆ THỐNG CANH TÁC 1. Khái niệm về hệ thống 2. Khái niệm về hệ thống canh tác, hệ thống cây trồng, cơ cấu cây trồng 3. Các quan điểm về nghiên cứu hệ thống canh tác 4. Thảo luận nhóm và trình bày	6	6		
CHƯƠNG 3: TIẾN TRÌNH NGHIÊN CỨU HỆ THỐNG CANH TÁC 1. Chọn vùng và điểm nghiên cứu HTCT 2. Mô tả điểm nghiên cứu HTCT 3. Đặt giả thuyết và thiết kế các thí nghiệm đơn lẻ 4. Thử nghiệm hợp phần kỹ thuật trong HTCT 5. Sản xuất thử và đánh giá 6. Khuyến nông và mở rộng sản xuất đại trà 7. Thảo luận tình huống nghiên cứu	6	6		
CHƯƠNG 4: CÁC PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CANH TÁC 1. Phương pháp PRA và RRA 2. Bản đồ phác thảo về địa điểm (Sketch mapping) 3. Lát cắt sinh thái (Transect) 4. Biểu đồ thời gian (Time line) 5. Biểu đồ xu thế (Trend line) 6. Biểu đồ thời vụ (Seasonality diagrams) 7. Phương pháp KIP 8. Phương pháp SWOT	6	6		
CHƯƠNG 5: NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG 1. Khái niệm và quan điểm bền vững 2. Các nguyên tắc phát triển nông nghiệp bền vững	6	6		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
3. Các chỉ số đánh giá tính bền vững				
4. Một số hệ thống nông nghiệp bền vững				
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Phạm Chí Thành, 1998. Hệ thống nông nghiệp. NXB Nông nghiệp Hà Nội
2. FAO, 1992. Hệ thống canh tác. NXB Nông nghiệp Hà Nội
3. Võ Tòng Xuân, 1996. Hội thảo mạng lưới Hệ thống canh tác Việt nam. ĐH Cần thơ
4. Võ Tòng Xuân, 1998. Development of Farming systems in the Mekong Delta of Vietnam. Ho Chi Minh Publishing house.
5. FAO, 1992. Institutionalization of farming systems approach to development. Rome.
6. IRRI, 1992. Farming systems research in Asia.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ VÀ VIỄN THÁM

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật Môi trường

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm

Chương 1: Giới thiệu về GIS

Chương 2: Cấu trúc cơ sở dữ liệu GIS

Chương 3: Các đặc điểm của GIS

Chương 4: Giới thiệu hệ thống định vị toàn cầu GPS

Chương 5: Các ứng dụng của GIS

Chương 6: Những nguyên lý cơ bản của ảnh viễn thám

Chương 7: Sự phân xạ của vật

Chương 8: Phương pháp giải đoán ảnh bằng mắt và ứng dụng

8. Mục tiêu học phần:

- Giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức được trang bị để xử lý và giải đáp các bài toán ứng dụng trong các lĩnh vực nghiên cứu, đánh giá, quản lý tài nguyên, môi trường;

- Giúp sinh viên hiểu và đánh giá được vai trò, và hiệu quả của việc sử dụng công nghệ GIS trong các lĩnh vực, đặc biệt trong nghiên cứu, quản lý, đánh giá tài nguyên môi trường.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
CHƯƠNG 1 - Giới thiệu về GIS 1.1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống thông tin địa lý (GIS) 1.2. Khái niệm hệ thống thông tin địa lý 1.3. Yêu cầu đối với một hệ thống thông tin địa lý 1.4. Vai trò của hệ thống thông tin địa lý 1.5. Các thành phần của hệ thống thông tin địa lý 1.6. Các chức năng của GIS	3	3		
CHƯƠNG 2 - Cấu trúc cơ sở dữ liệu GIS 2.1. Khái niệm về dữ liệu GIS 2.2. Mục tiêu của xây dựng dữ liệu GIS 2.3. Cấu trúc dữ liệu của GIS	3	3		
CHƯƠNG 3 - Các đặc điểm của GIS 3.1. Khả năng chồng lớp các bản đồ (Map Overlaying) 3.2. Khả năng phân loại thuộc tính (Reclassification) 3.3. Khả năng phân tích (Spatial Analysis)	6	6		
CHƯƠNG 4 - Giới thiệu hệ thống định vị toàn cầu GPS 4.1. Định nghĩa 4.2. Nguyên lý hoạt động 4.3. Cách xác định tọa độ một điểm 4.4. Ứng dụng GPS	3	3		
CHƯƠNG 5 - Các ứng dụng của GIS 5.1. Nghiên cứu quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường 5.2. Nghiên cứu điều kiện kinh tế - xã hội 5.3. Nghiên cứu các chương trình quy hoạch phát triển 5.4. Các lĩnh vực ứng dụng GIS trong sản xuất nông	6	6		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
nghiệp và phát triển nông thôn 5.5. Các bài toán ứng dụng của công nghệ GIS				
Chương 6 - Những nguyên lý cơ bản của ảnh viễn thám 6.1. Khái niệm, lịch sử 6.2. Hệ định vị toàn cầu trong viễn thám 6.3. Nguyên lý cơ bản	3	3		
Chương 7 - Sự phản xạ của vật 7.1. Sóng điện từ 7.2. Tính chất phổ 7.3. Chỉ số thực vật	3	3		
Chương 8 - Phương pháp giải đoán ảnh bằng mắt và ứng dụng. 8.1. Các chìa khóa giải đoán 8.2. Ảnh số	3	3		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Phạm Nhật Trường, 2016. *Bài giảng Hệ thống thông tin địa lý*. Trường Đại học Nam Cần Thơ.
2. Phạm Nhật Trường, 2017. *Giáo trình thực hành hệ thống thông tin địa lý*. Trường Đại học Nam Cần Thơ.
3. Nguyễn Bá Quang và Phạm Khánh Toàn, 2012. *Những kiến thức cơ bản về GIS và ứng dụng trong quy hoạch xây dựng đô thị*. NXB Xây dựng.
4. Trịnh lê Hùng và Vũ Danh Tuyên, 2016. *Giáo trình ứng dụng công nghệ viễn thám trong nghiên cứu, giám sát tài nguyên môi trường*.
5. Lê Văn Trung, 2010. *Giáo trình Viễn thám*.
6. Nguyễn Hiếu Trung và Trương Ngọc Phương, 2011. *Giáo trình Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý trong quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên*. Trường Đại học Cần Thơ

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ VÀ VIỄN THÁM – THỰC HÀNH

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai, Quản lý Tài nguyên và Môi trường

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm

Bài 1: Làm quen với phần mềm Mapinfo

Bài 2: Làm việc với Table và Workspace

Bài 3: Vẽ và hiệu chỉnh đối tượng, số hóa bản đồ

Bài 4: Lựa chọn và tìm kiếm thông tin

Bài 5: Phân tích địa lý và trình bày bản đồ

8. Mục tiêu học phần:

- Giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức được trang bị để xử lý và giải đáp các bài toán ứng dụng trong các lĩnh vực nghiên cứu, đánh giá, quản lý tài nguyên, môi trường;

- Giúp sinh viên hiểu và đánh giá được vai trò, và hiệu quả của việc sử dụng công nghệ GIS trong các lĩnh vực, đặc biệt trong nghiên cứu, quản lý, đánh giá tài nguyên môi trường.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Bài 1: Làm quen với phần mềm Mapinfo	3		3	

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Bài 2: Làm việc với Table và Workspace	6		6	
Bài 3: Vẽ và hiệu chỉnh đối tượng, số hóa bản đồ	9		9	
Bài 4: Lựa chọn và tìm kiếm thông tin	6		6	
Bài 5: Phân tích địa lý và trình bày bản đồ	6		6	
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	0	30	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Phạm Nhật Trường, 2016. *Bài giảng Hệ thống thông tin địa lý*. Trường Đại học Nam Cần Thơ.
2. Phạm Nhật Trường, 2017. *Giáo trình thực hành hệ thống thông tin địa lý*. Trường Đại học Nam Cần Thơ.
3. Nguyễn Bá Quang và Phạm Khánh Toàn, 2012. *Những kiến thức cơ bản về GIS và ứng dụng trong quy hoạch xây dựng đô thị*. NXB Xây dựng.
4. Trịnh lê Hùng và Vũ Danh Tuyên, 2016. *Giáo trình ứng dụng công nghệ viễn thám trong nghiên cứu, giám sát tài nguyên môi trường*.
5. Lê Văn Trung, 2010. *Giáo trình Viễn thám*.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh).
- Thường xuyên: 30% (Bài tập trên lớp).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Thi trên máy tính).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (18 LT, 10 TH, 2 KT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần: Nội dung chủ yếu của môn học gồm:

- Chương 1: Khí tượng
- Chương 2: Thủy văn
- Chương 3: Kỹ thuật quan trắc bề mặt.

8. Mục tiêu học phần:

Sinh viên nắm được những đặc tính quan trọng nhất của khí quyển và thủy quyển. Đó là những quy luật về sự vận động của các hiện tượng vật lý trong bầu khí quyển; những quy luật về sự vận động của nước trong tự nhiên theo không gian và thời gian. Sinh viên biết cách lắp đặt các thiết bị, kỹ thuật đo bức xạ mặt trời, nhiệt độ, ẩm độ, lượng mưa, gió, bốc hơi... Môn học tạo cho học viên có những kiến thức để sử dụng và xử lý các thông tin từ các bản tin dự báo khí tượng thủy văn trong vùng; xác lập cơ cấu mùa vụ; quản lý và vận hành hệ thống tưới, tiêu... Môn học giúp cho SV hiểu rõ hơn các tài nguyên để giúp cho việc: Đánh giá tác động môi trường, quy hoạch môi trường, kiểm toán môi trường, Quản lý tài nguyên thiên nhiên....

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN BỐ THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1: Khí tượng 1. Khí quyển; 2. Bức xạ mặt trời;	3	3		

NỘI DUNG	PHÂN BỐ THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
3. Nhiệt độ; 4. Bốc hơi; 5. Độ ẩm không khí; 6. Gió; 7. Mưa.				
Chương 2: Thủy văn 1. Đặc tính vật lý cơ bản của nước; 2. Nước dưới đất; 3. Nước mặt.	5	5		
Chương 3: Kỹ thuật quan trắc bề mặt 1. Quan trắc mây; 2. Đo gió; 3. Đo nhiệt độ; 4. Đo ẩm độ không khí; 5. Đo mưa; 6. Đo bốc hơi; 7. Đo bức xạ mặt trời; 8. Đo giờ nắng.	20	10	10	
<i>Kiểm tra</i>	2			2
TỔNG CỘNG	30	28	10	2

10. Phần tài liệu tham khảo:

- i. Lưu Đức Hải, 2006. *Cẩm nang quản lý môi trường*. NXB Giáo dục. MSPL 346.
- ii. Lê Văn Khoa, 2013. *Môi trường và phát triển bền vững*. NXB Giáo dục VN. MSPL 363.7 T.305/2013.
- iii. Hoàng Văn Quý, 2007. *Thủy lực và khí động lực*. NXB XD. MSPL 363.7.075 Tr.513/2011.
- iv. Thomas Sterner, 2008. *Công cụ chính sách cho quản lý tài nguyên và môi trường*. NXB Tổng hợp TP.HCM. MSPL 346.
- v. Lê Văn Khoa (chủ biên)- Đoàn Văn Cánh - Nguyễn Quang Hùng- Lâm Minh Triết, 2013. *Giáo Trình con người và môi trường*. NXB Giáo dục VN. MSPL 333.7.075 C.107/2013.

- vi. Lê Văn Khoa (chủ biên), 2012. *Khoa học môi trường*. NXB Giáo dục VN. MSPL 333.72 M.452/2012.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2. Số tín chỉ: 6 (0,6).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Tự nghiên cứu: 180 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường

7. Mô tả học phần:

Môn học giúp người học thuộc chuyên ngành quản lý đất đai tự ôn lại các kiến thức cơ bản chuyên ngành quản lý đất đai. Vận dụng kiến thức vào việc xử lý công việc thực tế tại đơn vị thực tập. Nắm bắt cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của đơn vị quản lý nhà nước về đất đai

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu của môn học là giúp sinh viên thực hiện được một nghiên cứu khoa học về chuyên ngành Quản lý đất đai qua việc làm đề cương nghiên cứu, bố trí thí nghiệm, thu thập và phân tích số liệu, biết viết và trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học theo hình thức luận văn tốt nghiệp.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chọn 1 trong các lĩnh vực sau 1. GIS - Viễn thám 2. Mô phỏng, dự báo, dự đoán 3. Đo đạc, vẽ bản đồ – thiết kế cảnh quan 4. Đánh giá đất và quy hoạch phân bố sử dụng đất 5. Quy hoạch nông thôn 6. Tài nguyên đất đai	180		180	

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
7. Phong thủy 8. Bất động sản 9. Quản lý nhà nước về đất đai 10. Các lĩnh vực khác liên quan đến tài nguyên đất đai				
Tổng	180	0	180	

10. Phương pháp đánh giá học phần:

- Báo cáo trước hội đồng thẩm định khóa luận.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: KỸ THUẬT BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai, Bất động sản

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm

Chương 1: Khái quát về bản đồ

Chương 2: Lý thuyết chung về phép chiếu bản đồ

Chương 3: Các đặc điểm cơ bản trong trắc địa bản đồ

Chương 4: Bản đồ địa chính

Chương 5: Những quy định và phương pháp thành lập bản đồ địa chính

8. Mục tiêu học phần:

Trong môn học này giúp sinh viên nắm được các vấn đề từ khái quát đến cụ thể liên quan đến kỹ thuật bản đồ địa chính như: Phép chiếu bản đồ, tỷ lệ bản đồ, cách trang trí bản đồ địa chính, hệ thống phân mảnh bản đồ, cách tính diện tích,... Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể tự xây dựng và trình bày một bản đồ địa chính đúng quy cách.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1: Khái quát về bản đồ	3	3		
Chương 2: Lý thuyết chung về phép chiếu bản đồ	6	6		
Chương 3: Các đặc điểm cơ bản trong trắc địa bản đồ	6	6		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 4: Bản đồ địa chính	9	9		
Chương 5: Những quy định và phương pháp thành lập bản đồ địa chính	6	6		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Luật Đất đai 2013
2. Thông tư 55/2013/TT-BTNMT quy định về thành lập bản đồ địa chính.
3. Thông tư 25/2014/TT-BTNMT quy định về bản đồ địa chính.
4. Phạm Nhật Trường, 2016. *Bài giảng trắc địa đại cương*. Trường Đại học Nam Cần Thơ.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kỹ thuật Môi trường, Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết : 30 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 60 giờ

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng và Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về (1) Tầm quan trọng của luật và chính sách môi trường trong công tác bảo vệ môi trường; (2) Lịch sử hình thành và các quá trình phát triển của công tác luật và chính sách môi trường trên thế giới; (3) Vai trò của luật và chính sách môi trường trong công tác bảo vệ môi trường; (4) Bản chất của luật và chính sách môi trường, phân loại các chính sách môi trường; (5) Kỹ năng và phương pháp xây dựng luật và chính sách môi trường; (6) Kỹ năng phân tích các mặt mạnh và hạn chế trong các chính sách môi trường của Việt nam và thế giới đang áp dụng.

8. Mục tiêu học phần:

- Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về luật và chính sách môi trường, quy trình cũng như phương pháp xây dựng luật và các chính sách liên quan đến công tác bảo vệ môi trường.
- Sau khi hoàn thành chương trình môn học, sinh viên sẽ có kiến thức và kỹ năng để xây dựng các chính sách về môi trường.

- Có ý thức về việc bảo vệ tài nguyên, môi trường.

9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học (giờ)
Chương 1. Khái quát hoá các vấn đề môi trường và tầm quan trọng của chính sách môi trường 1.1. Các vấn đề môi trường hiện nay. 1.2. Tầm quan trọng của luật và chính sách môi trường trong công tác BVMT. 1.3. Các làn sóng BVMT và nguyên tắc cần phải quán triệt khi xây dựng luật và chính sách môi trường. 1.4. Những khó khăn trong xây dựng và thực hiện luật và chính sách môi trường trong thế kỷ 21.	5	3	0	6
Chương 2. Luật và chính sách môi trường, quy trình xây dựng luật và chính sách môi trường. 2.1. Khái niệm về môi trường trong xây dựng luật và chính sách môi trường. 2.2. Các đặc tính cốt lõi của môi trường trong xây dựng chính sách môi trường. 2.3. Khái niệm và định nghĩa về luật môi trường 2.4. Khái niệm và định nghĩa về chính sách môi trường. 2.5. Phân loại chính sách trường. 2.6. Nội dung và các giai đoạn phát huy tác dụng của chính sách môi trường. 2.7. Quy trình xây dựng chính sách môi trường.	7	7	0	14
Chương 3. Các giai đoạn phát triển của chính sách môi trường 3.1. Quá trình phát triển chính sách môi trường trên	8	5	0	10

Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học (giờ)
thế giới từ trước đến nay. 3.2. Chính sách bảo vệ môi trường của Việt nam từ 1945 đến nay. Chương 4: Các quan điểm chính trị về môi trường và hiệu quả của các thể chế bảo vệ môi trường 4.1. Các quan điểm chính sách môi trường truyền thống. 4.2. Các nhóm môi trường 4.3. Tác động của các phong trào môi trường. 4.4. Năng lực, hiệu quả của các phong trào môi trường.				
Chương 5: Tội phạm môi trường và quy định của pháp luật về tội phạm môi trường. 5.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc tội phạm hoá các hành vi gây nguy hại cho môi trường. 5.2. Lịch sử hình thành và phát triển các quy định pháp luật về tội phạm môi trường. 5.3. Quy định của pháp luật về tội phạm môi trường ở một số nước trên thế giới. 5.4. Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm môi trường chiếu theo pháp luật hình sự hiện hành của Việt nam.	5	5	0	10
Chương 6: Các giá trị môi trường và chính sách công 6.1. Các khía cạnh chủ chốt của các giá trị môi trường. 6.2. Khía cạnh kinh tế, khuyến khích và quy định	5	5	0	10

Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học (giờ)
về môi trường. 6.3. Phân tích lợi ích và chi phí trong chính sách môi trường. 6.4. Tăng cường mối liên kết giữa các chính sách môi trường. 6.5. Thương mại quốc tế và các quy định về môi trường.				
Tổng số	30	30	0	60

10. Phân tài liệu tham khảo:

- *Luật bảo vệ môi trường của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 55/2014/QH13 thông qua ngày 23/06/2014.*
- “*Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 1216/QĐ9-TTg ngày 05/6/2012.
- Trường ĐH luật Hà Nội, 2005. *GT Luật môi trường*. NXB CAND. MSPL 346.
- *Quy Chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 2010*. NXB LĐ. MSPL 628.
- Quốc Cường, 2010. *Các quy định mới nhất về bảo vệ môi trường & xử phạt vi phạm pháp luật về môi trường chất thải, nước thải, khí thải*. NXB LĐ. MSPL 346.
- Lê Trình, 2015. *Đánh giá tác động môi trường và xã hội (các dự án đầu tư trong nước và quốc tế)*. NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội. MSPL 354.7 Tr.312/2015.
- Thomas Sterner, 2008. *Công cụ chính sách cho quản lý tài nguyên và môi trường*. NXB Tổng hợp TP.HCM. MSPL 346.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).

- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: LƯU TRỮ VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm

Chương 1: Tổng quan về đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính

Chương 2: Khái quát về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và lưu trữ hồ sơ địa chính ở Việt Nam

Chương 3: Ứng dụng phần mềm CadDB trong lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính

8. Mục tiêu học phần:

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về cách thức lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính hiện nay tại các Sở Tài nguyên môi trường. Trang bị cho sinh viên một số kiến thức về việc ứng dụng hệ thống thông tin địa lý trong việc quản lý, cập nhật hồ sơ địa chính.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương I: Tổng quan về đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính 1. Những qui định chung quản lý hồ sơ địa chính 2. Lập và quản lý hồ sơ địa chính	10	10		
Chương II: Khái quát về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và lưu trữ hồ sơ địa chính ở	10	10		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Việt Nam				
Chương III: Ứng dụng phần mềm CadDB trong lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính 1. Giới thiệu chung về hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính 2. Nhập dữ liệu hồ sơ địa chính từ đo đạc chính qui 3. Kê khai đăng ký từ đơn đăng ký 4. Đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	10	10		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Phạm Nhật Trường, 2017. *Bài giảng lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính*. Trường Đại học Nam Cần Thơ.
2. Luật Đất đai năm 2013.
3. Thông tư 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính.
4. Nghị định 43/2014/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: MÔI TRƯỜNG VÀ SỰ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm:

Chương 1. Mô tả sự ô nhiễm nguồn nước do hoạt động đô thị, hoạt động công nghiệp. Khả năng ô nhiễm môi trường đô thị là rất lớn. Sự ô nhiễm từ công nghiệp đưa đến giảm chất lượng nước sinh hoạt, nước ngầm, tác động trên cây trồng, truyền dịch bệnh đến người tiêu thụ, nông dân.

Chương 2. Chất thải rắn, chất thải sinh hoạt đô thị ảnh hưởng đến nguồn nước mặt và nước ngầm, ô nhiễm vi sinh. Trang bị kiến thức cho học viên hiểu rõ hậu quả ô nhiễm vào môi trường có khả năng tác hại đến sức khỏe con người, cảnh quan đô thị, du lịch.

Chương 3. Nông dược và ô nhiễm đất phân tích các khả năng biến đổi và phân hủy của nông dược do các tác nhân lý, hóa và sinh học, nó ảnh hưởng đến sự lưu tồn của nông dược và tác hại đến con người. Các biện pháp hạn chế dư lượng cũng như các qui định và pháp chế trong việc sử dụng và sản xuất cũng được thảo luận để giảm thiểu sự ô nhiễm nông dược trong môi trường.

Chương 4. Chiến lược quản trị chất lượng môi trường đô thị mô tả các biện pháp hạn chế có hiệu quả vấn đề ô nhiễm do hoạt động công nghiệp, ngoài các phương pháp đánh giá mức độ và khả năng ô nhiễm, chiến lược liên kết trên phương diện các nông trang và thậm chí ở mức độ đa quốc gia là thật sự cần

thiết. Sự ứng dụng công nghệ tin học trong quản lý và ước đoán khả năng ô nhiễm là phương pháp hiệu quả và phù hợp trong xu thế hiện nay trên thế giới

8. Mục tiêu học phần:

Xây dựng cho học viên những nhận thức cần thiết để có những hành động cụ thể trong việc quản lý và thực hiện luật Bảo vệ môi trường của Nhà nước, góp phần tích cực cho việc phát triển bền vững và Bảo vệ môi trường đô thị trong nước.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1 - Ô nhiễm công nghiệp trong nguồn nước 1. Phạm vi của ô nhiễm công nghiệp 2. Các tác động của ô nhiễm công nghiệp 3. Dữ liệu về ô nhiễm công nghiệp của các nước đang phát triển 4. Quản trị ô nhiễm công nghiệp trong nguồn nước	6	6		
Chương 2 - Ô nhiễm môi trường do chất thải sinh hoạt đô thị 1. Ảnh hưởng chất thải kim loại nặng. 2. Phú dưỡng, vi sinh vật và sự suy giảm chất lượng nước 3. Ô nhiễm chất thải và các vấn đề môi trường 4. Ô nhiễm và vấn đề chất lượng nguồn nước trong nuôi trồng thủy sản 5. Các biện pháp quản trị	6	6		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 3 - Ô nhiễm môi trường do nông được 1. Lịch sử phát triển của nông được 2. Các yếu tố ảnh hưởng dư lượng và tác động của nông được trên hệ sinh thái. a. Các đặc tính của nông được và dư lượng trong đất b. Các yếu tố ảnh hưởng của nông được trên hệ thủy sinh c. Ảnh hưởng của nông được trên con người d. Ảnh hưởng của nông được trên các hệ sinh thái khác 3. Giám sát dư lượng nông được trong nguồn nước 4. Quản trị nông được	9	9		
Chương 4 - Chiến lược quản trị chất lượng môi trường công nghiệp 1. Các chỉ thị chất lượng môi trường 2. Liên kết đa nông trang và đa quốc gia 3. Phân tích kinh tế ảnh hưởng của chất thải công nghiệp 4. Phương pháp đánh giá phương pháp quản trị 5. Ứng dụng công nghệ thông tin	9	9		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Vũ Trọng Thắng, 2015. *Môi trường trong quy hoạch xây dựng*. NXB xây dựng.
2. Lưu Đức Hải, 2011. *Cẩm nang quản lý môi trường*. NXB Giáo dục.
3. Hoàng Thị Hiền và Bùi Shair1, 2012. *Bảo vệ môi trường không khí*. NXB Xây dựng.
4. Nguyễn Văn Phước và Nguyễn Thị Vân Hà, 2016. *Giáo trình Quản lý chất lượng môi trường*. NXB Xây dựng.
5. Nguyễn Thế Thôn và Hà Văn Hành, 2007. *Môi trường và phát triển*. NXB Xây dựng.
6. Nguyễn Ngọc Dung, 2012. *Quản lý Tài nguyên và Môi trường*. NXB xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: NÔNG NGHIỆP SẠCH VÀ BỀN VỮNG

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Học phần “Nông nghiệp sạch và bền vững” được xây dựng với 4 chương lý thuyết. Sinh viên được học về các khái niệm về sản xuất nông nghiệp bền vững và nông nghiệp sạch, xây dựng qui trình sản xuất nông nghiệp sạch theo tiêu chuẩn GlobalGAP và hữu cơ, biện pháp quản lý đất bền vững giúp tăng độ phì nhiêu hóa, lý, sinh học đất.

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sự cần thiết sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ ở ĐBSCL.

- Giúp SV nắm được yêu cầu, tiêu chuẩn sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ ở các thị trường trên thế giới.

- Kỹ thuật canh tác và quản lý hệ thống nông nghiệp sạch. Biện pháp canh tác sản phẩm sạch. Biện pháp quản lý đất giúp duy trì độ phì nhiêu hoá lý sinh học đất.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương I. Tổng quan về tình hình sản xuất NN sạch trên thế giới	6	6		
Chương II. Hiện trạng sản xuất NN hoá học theo truyền thống tại Việt Nam, ĐBSCL	6	6		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương III. Các tiêu chuẩn đạt sản phẩm sạch GlobalGAP và biện pháp xây dựng vùng sản xuất NN sạch	9	9		
Chương IV. Biện pháp quản lý đất trong SX NN sạch	9	9		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Kim Thái và Lê Thị Hiền Thảo, 2012. *Sinh thái học và bảo vệ môi trường*. NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: PHÂN HẠNG VÀ ĐỊNH GIÁ ĐẤT

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp kiến thức về phân hạng và định giá đất, giúp sinh viên hiểu được sự tác động của các yếu tố tự nhiên xã hội đến việc hình thành giá trị và giá trị sử dụng đất đai từ đó hình thành nên giá đất. Ngoài ra sinh viên được cung cấp kiến thức các phương pháp phân hạng đất dựa vào các yếu tố tự nhiên có tác động đến việc sử dụng đất đai, các yếu tố xã hội, thông qua sự đáp ứng của cơ sở hạ tầng làm cơ sở cho việc xác định giá trị và giá đất hàng năm theo pháp luật của nhà nước. Sinh viên được thực hành trên cơ sở thực tế đất ở đô thị, quan sát đánh giá và ghi nhận các điều kiện tác động đến hạng và giá đất. Đây là kiến thức cơ bản giúp sinh viên sau khi ra trường có khả năng công tác về lĩnh vực quản lý đất đai tại các xã, phường, tại các phòng Tài nguyên môi trường các Quận, Huyện và tại Sở Tài Nguyên Môi Trường.

8. Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về công tác phân hạng đất hiện nay, các yếu tố ảnh hưởng đến việc phân hạng. Từ đó sinh viên có thể so sánh trong điều kiện thực tế và lý thuyết; Giúp sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và môi trường của đất đai đối với việc phân hạng giá trị của đất đai

để vận dụng vào công tác quy hoạch, giải toả bồi hoàn và tính thuế sử dụng đất khi giao đất hoặc thu hồi đất.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương I: Khái quát về đất đai Việt Nam 1. Hiện trạng đất đai Việt Nam; 2. Quan hệ đất đai trong lịch sử nước ta; 3. Nội dung chủ yếu của chính sách về đất đai nước ta hiện nay; 4. Vai trò của đất đai trong sự nghiệp phát triển đất nước	6	6		
Chương II: Các căn cứ và quy định về phân hạng định giá đất 1. Định nghĩa và khái niệm; 2. Các yếu tố có tác động đến việc hình thành giá đất; 3. Yếu tố tác động đến phân hạng - định giá đất nông nghiệp; 4. Các yếu tố tác động đến phân hạng - định giá đất đô thị; 5. Các căn cứ, tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chức năng trong xác định giá đất; 6. Những quy định về khung giá đất; 7. Các văn bản pháp lý của nhà nước có liên quan (đến việc phân hạng và định giá đất đai)	9	9		
Chương III: Phương pháp phân hạng và định giá đất nông nghiệp 1. Phương pháp phân hạng đất nông nghiệp; 2. Phương pháp định giá đất nông nghiệp	6	6		
Chương IV: Phương pháp phân hạng và định giá đất đô thị 1. Điều tra thực tế giá đất đô thị; 2. Định giá đất đô thị	9	9		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Minh Hoàng, 2008. *Nguyên lý chung định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp*. NXB Giáo dục.
2. Luật Đất đai năm 2013
3. Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA CHÍNH

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Nội dung chương trình của học phần Phân tích thiết kế hệ thống thông tin biên soạn cho ngành Quản lý đất đai với nội dung cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản, nhằm giúp sinh viên hiểu các cách tiếp cận để tìm hiểu và xây dựng một hệ thống thông tin, cùng với các phương pháp xử lý giải đáp các bài toán trong xây dựng ứng dụng về cơ sở dữ liệu trong nghiên cứu, quản lý, đánh giá tài nguyên, môi trường, địa chính, nông nghiệp...

Vì đây là môn học đòi hỏi sinh viên phải có đầy đủ các kiến thức về cơ bản và khả năng tin học, để sinh viên có thể vận dụng toàn bộ các kiến thức đã học một cách có hiệu quả vào môn học này. Chính vì thế môn học được sắp vào gần cuối của chương trình học khi sinh viên đã được trang bị tương đối đầy đủ các kiến thức cơ bản và chuyên ngành.

8. Mục tiêu học phần:

- Môn học Phân tích thiết kế hệ thống thông tin nhằm giúp sinh viên hiểu các cách tiếp cận để tìm hiểu và xây dựng một hệ thống thông tin.

- Môn học tạo cơ sở để sinh viên có thể thiết kế cơ sở dữ liệu cho các môn học liên quan đến hệ thống thông tin địa lý (GIS)..

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1 - Giới thiệu về hệ thống thông tin 1.1. Giới thiệu về hệ thống thông tin 1.2. Mô tả hệ thống	6	6		
Chương 2 - Thành phần dữ liệu mức quan niệm 2.1. Mô hình thực thể - Kết hợp 2.2. Các bước xây dựng một mô hình thực thể - kết hợp	9	9		
Chương 3 - Thành phần dữ liệu mức Logic 3.1. Giới thiệu. 3.2. Mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ	6	6		
Chương 4 - Lưu đồ dòng dữ liệu 4.1. Các khái niệm trong lưu đồ dòng dữ liệu 4.2. Các công cụ đặc tả	9	9		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hiếu Trung và Trương Ngọc Phương, 2011. Giáo trình Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý trong quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Trường Đại học Cần Thơ.
2. Trần Thành Trai, 2007. Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý.
3. Đức Hùng, 2006. Khai Thác thông tin và các dịch vụ trên Internet.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).

- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: PHONG THỦY

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai, Bất Động Sản

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Sinh viên sẽ được giới thiệu khái quát về phong thủy, các kiến thức cơ bản của phong thủy, cơ sở của học thuyết phong thủy, các trường phái trong phong thủy, pháp khí trong phong thủy, các ứng dụng của phong thủy hiện nay: phong thủy trong thiết kế cảnh quan, nội thất...

8. Mục tiêu học phần:

Nhằm giới thiệu cho sinh viên các khái niệm cơ bản của học thuyết phong thủy, các ứng dụng trong bố trí thiết kế cảnh quan và một số ứng dụng hiện nay.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1. Khái quát về “Phong thủy” (Fengshui)	5	5		
Chương 2. Nguồn gốc của Phong thủy	5	5		
Chương 3. Cơ sở của học thuyết Phong thủy	5	5		
Chương 4. Các kiến thức cơ bản của Phong thủy	5	5		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 5. Phong thủy trong bố trí thiết kế cảnh quan, nội thất	5	5		
Chương 6. Các ứng dụng của Phong thủy hiện nay	5	5		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Lương Huỳnh Mai, Lý Thanh Trúc (biên dịch), 2005. Phong thủy Sân vườn, NXB Đà Nẵng
2. Nguyễn Kim Dân (biên soạn), 2006. Họa cảnh ứng dụng trong Phong thủy, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐẤT ĐAI

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về khoa học, nghiên cứu khoa học và một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu, từ đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo. Sinh viên sẽ được giới thiệu về những thiết kế nghiên cứu khác nhau, về cách chọn mẫu, cách đo đạc, và cách thức tổ chức nghiên cứu để có thể tự mình áp dụng.

8. Mục tiêu học phần:

Sinh viên phải nắm được phương pháp và kỹ năng tham khảo tài liệu, bố trí thí nghiệm và thu thập thông tin, viết báo cáo khoa học và đề tài tốt nghiệp, phương pháp trình bày báo cáo khoa học.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1. Phương pháp truy cập thông tin - Công dụng của các loại sách trong thư viện: encyclopedia, sách giáo khoa, tạp chí, bibliography, tạp chí tóm lược, tạp chí chuyên khảo. - Truy cập thông tin từ CD-ROM, internet, tạp chí Biological Abstracts. - Thiết lập cơ sở dữ liệu cá nhân	10	10		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 2. Phương pháp nghiên cứu khoa học - Viết đề cương nghiên cứu và đánh giá đề cương nghiên cứu - Những điều cần lưu ý trong bố trí thí nghiệm, thu thập và xử lý thông tin. - Chuẩn bị và viết bài báo khoa học - Viết bài chuyên khảo - Chuẩn bị và trình bày báo cáo khoa học, seminar hoặc khóa luận tốt nghiệp, bài báo KH dưới dạng poster trong hội nghị khoa học	20	20		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Đức Hùng, 2006. *Khai Thác thông tin và các dịch vụ trên Internet*. NXB Giáo dục
2. Lê Thị Hồng Vân, 2013. *Giáo trình kỹ năng nghiên cứu và lập luận*. NXB Giáo dục
3. Trung Nguyên, 2007. *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giao thông vận tải.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Mỗi sv tự viết một đề cương chi tiết nghiên cứu khoa học).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP PRA TRONG ĐIỀU TRA KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tiến trình tham gia của cộng đồng trong công tác thu thập số liệu phục vụ các công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

8. Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về tiến trình tham gia của cộng đồng trong công tác thu thập thông tin và phân tích thông tin. Từ đó sinh viên có thể so sánh trong điều kiện thực tế và lý thuyết; Giúp sinh viên có thể ứng dụng được phương pháp này trong các hoạt động công tác như đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và môi trường của đất đai đối với việc phân hạng giá trị của đất đai để vận dụng vào công tác quy hoạch.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1: Giới thiệu về phương pháp PRA	5	5		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 2: Tiến trình thực hiện PRA 1. Định nghĩa và khái niệm; 2. Đặc điểm của PRA; 3. Cách thức thực hiện PRA và thu thập số liệu; 4. Quan sát trực tiếp và sự phân bố không gian, mặt cắt; 5. Số liệu liên hệ về thời gian; 6. Phân tích số liệu liên quan đến xã hội và con người; 7. Tổng hợp kết quả đánh giá PRA	15	15		
Chương 3: Khả năng ứng dụng PRA trong các lĩnh vực 1. Ứng dụng trong đánh giá nguồn tài nguyên; 2. Ứng dụng trong theo dõi, phân tích và đánh giá dự án; 3. Phân tích những khó khăn và cơ hội;	10	10		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Thông tư 28/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 02 tháng 6 năm 2014 về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
2. Thông tư 60/2015/TT-BTNMT kỹ thuật điều tra đánh giá đất đai.

10.2. Tài liệu tham khảo bổ sung

3. Nguyễn Duy Cần và cộng sự, 2006. Tài liệu dự án khuyến nông ĐBSCL (MDAEF).
4. Nabasa J., G. Rutwara, F. Walker and C. Were, 1995. Participatory Rural appraisal: Practical experiences.
5. Nguyen Ngoc Hue, 1999. 3D MODEL, AN EFFECTIVE TOOL FOR ATTRACTING FARMER'S PARTICIPATION IN LAND USE PLANNING AND LAND ALLOCATION. From the Newsletter no. 3 "Special Issue on "Land Allocation & Land Use Planning", June1999. Social Forestry Development Project Song Da, Vietnam.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: QUAN HỆ ĐẤT - CÂY TRỒNG

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Trên cơ sở các kiến thức đã học về Thổ nhưỡng và Phì nhiêu đất đai, môn Quan hệ Đất & Cây trồng giúp cho sinh viên hiểu rõ:

- Khả năng cung cấp nước, không khí của đất cho cây trồng
- Khả năng cung cấp các dưỡng chất thiết yếu từ đất cho cây
- Phương pháp quản trị các yếu tố giới hạn trong đất ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của cây.

- Các giai đoạn sinh trưởng của cây tác động đến các yếu tố tạo thành năng suất cây trồng và phương pháp quản trị.

- Các phương pháp chẩn đoán nhu cầu dinh dưỡng của cây
- Mối quan hệ giữa hàm lượng dưỡng chất dễ tiêu trong đất, trong cây và năng suất cây trồng.

- Quản trị chất dinh dưỡng cho một số cây trồng chính ở Đồng bằng sông Cửu Long.

8. Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên hiểu rõ các yếu tố ngoại cảnh và các yếu tố về đất đai đã ảnh hưởng đến năng suất cây trồng. Mối quan hệ giữa hàm lượng dưỡng chất trong đất, trong cây và

năng suất cây trồng. Từ đó giúp sinh viên tìm ra các biện pháp quản trị đất thích hợp để đạt năng suất cao, phẩm chất tốt.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1. Đất đai - cơ sở của sản lượng cây trồng - Sa cấu và cấu trúc đất ảnh hưởng đến khả năng cung cấp nước, không khí của đất cho cây và phương pháp quản trị - Chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng ở trong đất, khả năng cung cấp cho cây và phương pháp quản trị. - Các yếu tố làm giới hạn sự sinh trưởng của cây trồng ở trong đất và phương pháp quản trị - Các bài tập tính toán khả năng cung cấp dưỡng chất từ đất cho cây	6	6		
Chương 2. Dinh dưỡng cây trồng - Thành phần hóa học của cây quan hệ đến đặc tính hấp thu dưỡng chất của cây. - Các giai đoạn tăng trưởng của cây quan hệ đến thành phần năng suất và năng suất cây trồng. - Phương pháp chẩn đoán nhu cầu dinh dưỡng của cây - Mối quan hệ giữa hàm lượng dưỡng chất dễ tiêu trong đất, trong cây và năng suất cây trồng. - Thảo luận nhóm và đánh giá số liệu từ các kết quả nghiên cứu	9	9		
Chương 3. Quản trị chất dinh dưỡng cho một số cây trồng chính 1. Cây lúa 2. Cây mía 3. Cây bắp 4. Cây nhãn 5. Cây khoai lang 6. Cây cam 7. Cây đậu nành	15	15		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
8. Cây xoài 9. Cây dừa hấu 10. Cây sầu riêng				
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Lê Văn Khoa và ctv, 2012. *Giáo trình ô nhiễm môi trường đất và biện pháp xử lý*. NXB Giáo dục
2. Nguyễn Ngọc Minh và Đào Châu Thu, 2012. *Khoáng sét trong đất và khả năng ứng dụng trong lĩnh vực môi trường*. NXB Giáo dục.
3. Nguyễn Hồng Đức và Nguyễn Viết Minh, 2012. *Các vấn đề về nước dưới đất*. NXB Xây dựng
4. Lê Văn Khoa và Trần Bá Linh, 2013. *Giáo trình Bạc màu đất và bảo tồn tài nguyên đất*. NXB Đại học Cần Thơ

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm:

Chương 1: Tổng quan về đô thị và đô thị hóa

Chương 2: Khái quát về quản lý đô thị

Chương 3: Quản lý Nhà nước về đô thị

Chương 4: Quản lý văn hóa, dân số, việc làm đô thị

Chương 5: Quản lý đất đai và nhà ở đô thị

Chương 6: Quản lý kinh tế đô thị

Chương 7: Quản lý quy hoạch đô thị

8. Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm được nguyên nhân, sự hình thành các đô thị trên thế giới và Việt nam, các kiến thức cơ bản về quản lý đô thị, phân loại được các loại đô thị.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1: Tổng quan về đô thị và đô thị hóa	4	4		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 2: Khái quát về quản lý đô thị	4	4		
Chương 3: Quản lý Nhà nước về đô thị	4	4		
Chương 4: Quản lý văn hóa, dân số, việc làm đô thị	4	4		
Chương 5: Quản lý đất đai và nhà ở đô thị	4	4		
Chương 6: Quản lý kinh tế đô thị	5	5		
Chương 7: Quản lý quy hoạch đô thị	5	5		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Bá Quang và Phạm Khánh Toàn, 2012. *Những kiến thức cơ bản về GIS và ứng dụng trong quy hoạch xây dựng đô thị*. NXB Xây dựng
2. Đỗ Hậu, 2012. *Xã hội học đô thị*. NXB Xây dựng.
3. Phạm Trọng Mạnh, 2013. *Quản lý đô thị*. NXB Xây dựng
4. Hồ Ngọc Hùng, 2011. *Chuẩn bị kỹ thuật đất đai xây dựng đô thị*. NXB Xây dựng.
5. Lê Hồng Kế, 2015. *Tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng cao trong quá trình phát triển đô thị*. NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai, Bất Động Sản

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Các nội dung môn học sẽ được đề cập đến trong môn học này bao gồm:

Chương 1. Đại cương về quản lý hành chính nhà nước và quản lý nhà nước về đất đai;

Chương 2. Quá trình phát triển của công tác quản lý nhà nước về đất đai ở nước ta

Chương 3. Nội dung quản lý nhà nước về đất đai

8. Mục tiêu học phần:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất đối với quản lý nhà nước về đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực đất đai.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1. Đại cương về quản lý hành chính nhà nước và quản lý nhà nước về đất đai; 1.1. Đại cương về quản lý hành chính nhà nước	6	6		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
1.2. Đại cương về quản lý nhà nước về đất đai				
Chương 2. Quá trình phát triển của công tác quản lý nhà nước về đất đai ở nước ta 2.1. Quá trình phát triển của công tác quản lý nhà nước về đất đai ở nước ta 2.2. Công tác quản lý nhà nước về đất đai ở nước ta từ năm 1945 đến nay	9	9		
Chương 3. Nội dung quản lý nhà nước về đất đai. 3.1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện 3.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý địa giới hồ sơ hành chính, lập bản đồ hành chính 3.3. Khảo sát, đo đạc, đánh giá, phân hạng đất; lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất. 3.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. 3.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất. 3.6. Đăng ký quyền sử dụng đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. 3.7. Thống kê, kiểm kê đất đai 3.8. Quản lý hành chính về đất đai 3.9. Quản lý và phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản 3.10. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. 3.11. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai 3.12. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong việc quản lý và sử dụng đất đai 3.13. Quản lý các hoạt động dịch vụ công về đất đai	15	15		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Luật Đất đai 2013
2. Luật Thanh tra 2010
3. Thông tư 37/2014/TT-BTNMT quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
4. Thông tư 23/2014/TT-BTNMT quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
5. Thông tư 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính
6. Nguyễn Văn Động, 2010. *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*. NXB Giáo dục.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: QUẢN LÝ THÔNG ĐẤT ĐAI LIS/LIM

2. Số tín chỉ: 1 (1,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 15 tiết (15 LT).

- Tự học: 30 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Môn học giúp người học thuộc chuyên ngành quản lý đất đai nắm cơ bản về hệ thống quản lý thông tin đất đai, các cấu trúc cơ sở dữ liệu về tài nguyên đất. Giới thiệu những đối tượng liên quan đến công tác quản lý đất đai, những phương pháp và kỹ thuật hiện đại được áp dụng trong quản lý đất đai. Đây là cơ sở hỗ trợ cho quốc gia, cơ quan địa chính các cấp, các ngành liên quan,... có nhu cầu quản lý, về thông tin đất đai giúp chọn lựa những kỹ thuật thích hợp, đánh giá được lợi ích của thông tin trong mối liên quan mật thiết giữa kỹ thuật và quản lý.

8. Mục tiêu học phần:

Môn học đưa vào ứng dụng công nghệ thông tin để thiết kế, xây dựng hệ thống thông tin đất nhằm trợ giúp cho việc ra quyết định, quản lý nhà nước về đất đai, quản lý lãnh thổ, khai thác thông tin đất đai phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1: Khái niệm cơ bản về thông tin, hệ thống và hệ thống thông tin 1.1. Thông tin 1.2. Hệ thống 1.3. Hệ thống thông tin	3		3	

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 2. Hệ thống thông tin đất đai 2.1. Khái niệm về hệ thống thông tin đất đai 2.2. Mục đích và vai trò của hệ thống thông tin đất đai 2.3. Các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin đất đai 2.4. Cơ sở dữ liệu đất đai của hệ thống thông tin đất đai 2.5. Đặc điểm, tính chất hệ thống thông tin đất đai 2.6. Quan hệ ngành tài nguyên môi trường và hệ thống thông tin đất đai	4		4	
Chương 3 - Quản lý thông tin đất đai 3.1. Khái niệm về quản lý thông tin đất đai 3.2. Nguồn gốc của công tác quản lý thông tin đất đai 3.3. Mục đích, ý nghĩa và vai trò của quản lý thông tin đất đai 3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thông tin đất đai	4		4	
Chương 4 – Thiết kế hệ thống thông tin đất đai 4.1. Tính cấp thiết và mục tiêu xây dựng hệ thống thông tin đất đai 4.2. Điều tra, đánh giá thực trạng hệ thống thông tin đất đai 4.3. Phân tích hệ thống thông tin đất đai 4.4. Thiết kế hệ thống thông tin đất đai 4.5. Hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai	4		4	
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	15		15	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hiếu Trung và Trương Ngọc Phương, 2011. *Giáo trình Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý trong quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên*. Trường Đại học Cần Thơ.
2. Trần Thành Trai, 2007. *Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý*. NXB Giáo dục
3. Phạm Nhật Trường, 2016. *Bài giảng hệ thống thông tin địa lý*. Trường Đại học Nam Cần Thơ

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: QUẢN LÝ THÔNG ĐẤT ĐAI LIS/LIM – THỰC HÀNH

2. Số tín chỉ: 2 (0,2).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 60 tiết (60 TH).

- Tự học: 120 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Giới thiệu phần lý thuyết và các ứng dụng của công nghệ thông tin trong quản lý nguồn tài nguyên đất đai, và sẽ được thực hành trực tiếp trên máy để ứng dụng cụ thể giải quyết tình huống trong quản lý đất đai, trong quản lý các thông tin thuộc về địa lý cũng như những thông tin quan trọng khác.. Chủ yếu đi sâu vào 2 phần mềm chuyên dùng trong ngành địa chính là Mapinfo và Microstation FAMIS CADDB.

Môn học được thực hiện theo hình thức các case study cho mỗi chương, sinh viên được nhận các tiêu đề tương ứng với các chương để thảo luận và tham khảo tài liệu, sau đó nhóm sinh viên vào lớp sẽ thảo luận và báo cáo trước lớp dưới sự hướng dẫn và giải thích của giáo viên hướng dẫn. Sau phần thảo luận, giáo viên hướng dẫn sẽ tổng hợp giải thích các phần trong nội dung của chương. Ở mỗi buổi báo cáo sinh viên sẽ phải nộp lại kết quả thảo luận, tham khảo tài liệu, kết quả này được tính vào điểm môn học cuối khoá.

Vì đây là môn học đòi hỏi sinh viên phải có đầy đủ các kiến thức về cơ bản, cũng như chuyên ngành, đồng thời phải có kiến thức và khả năng tin học, để sinh viên có thể vận dụng toàn bộ các kiến thức đã học một cách có hiệu quả vào môn học này. Chính vì thế môn học được sắp vào gần cuối của chương trình học khi sinh viên đã được trang bị tương đối đầy đủ các kiến thức cơ bản và chuyên ngành.

8. Mục tiêu học phần:

- Giới thiệu cho sinh viên hiểu một cách khái quát nhu cầu phát triển của công nghệ thông tin và đặc biệt ứng dụng trong quản lý nguồn tài nguyên về đất đai, quản lý môi trường,...;

- Giới thiệu các chức năng yêu cầu quản lý thông tin đất đai, quản lý hồ sơ địa chính;
- Giới thiệu phần mềm các phần mềm được các đơn vị sử dụng để quản lý thông tin đất đai, địa chính ở Sở Tài Nguyên Môi Trường, Sở Nông Nghiệp,...;
- Giới thiệu các chức năng của hệ thống phần các mềm Mapinfo, Vilis,...trong quản lý hồ sơ địa chính;
- Giới thiệu một số chức năng ứng dụng hệ thống để hỗ trợ thực hiện quy hoạch giải toả bồi hoàn đất đai.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1 - Hướng dẫn hệ thống phần mềm Microstation 1.1. Hướng dẫn cài đặt hệ thống 1.2. Hướng dẫn quy trình thành lập dữ liệu thông tin tài nguyên đất đai 1.3. Hướng dẫn sử dụng các công cụ trong hệ thống	15		15	
Chương 2 - Xây dựng dữ liệu thông tin tài nguyên đất đai từ nguồn số liệu giấy 2.1. Thiết kế chung 2.2. Nắn bản đồ 2.3. Vector hóa bản đồ 2.4. Hoàn thiện dữ liệu 2.5. Biên tập và trình bày bản đồ 2.6. Lưu trữ và in ấn dữ liệu	15		15	
Chương 3 - Xây dựng dữ liệu thông tin tài nguyên đất đai từ nguồn số liệu đo đạc thực địa 3.1. Thiết kế dữ liệu số đo và sơ đồ nối điểm 3.2. Lên điểm đo chi tiết và tạo mô tả trị đo 3.3. Xử lý nối điểm sơ đồ khu đo	15		15	

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
3.4. Hoàn thiện dữ liệu khu đo				
3.5. Biên tập và trình bày hoàn thiện bản vẽ khu đo				
Chương 4 – Hướng dẫn quản lý đăng ký và lập hồ sơ địa chính	15		15	
4.1. Thiết lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính LIS				
4.2. Quản trị người dùng hệ thống				
4.3. kê khai đăng ký lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận				
4.4. kê khai đăng ký và quản lý biến động				
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	60		60	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hiếu Trung và Trương Ngọc Phương, 2011. Giáo trình Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý trong quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Trường Đại học Cần Thơ.
2. Trần Thành Trai, 2007. Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý..
3. Phạm Nhật Trường, 2016. Bài giảng hệ thống thông tin địa lý. Trường Đại học Nam Cần Thơ

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh).
- Thường xuyên: 30% (Bài tập).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: thi trên máy tính).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TÀI NGUYÊN ĐẤT ĐAI

2. Số tín chỉ: 3 (3,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai, Bất động sản

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 45 tiết (45 LT)

- Tự học: 90 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Học phần gồm các vấn đề sau:

Chương I: Tổng quan tài nguyên đất đai

Chương II: Tài nguyên đất đai

Chương III: Môi trường đất: suy thoái và ô nhiễm đất

Chương IV: Cải tạo, bảo vệ và sử dụng tài nguyên đất đai

8. Mục tiêu học phần:

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về khai thác và quản lý tài nguyên đất đai bao gồm các khái niệm cơ bản về tài nguyên đất đai; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên đất; các biện pháp quản lý tài nguyên đất đai, giúp sinh viên kết nối với các học phần có liên quan khác để bảo tồn và phát triển tài nguyên đất đai bền vững

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương I: Tổng quan tài nguyên đất đai	10	10		
Chương II: Tài nguyên đất đai	10	10		
Chương III: Môi trường đất: suy thoái và ô nhiễm đất	10	10		
Chương IV: Cải tạo, bảo vệ và sử dụng tài nguyên đất	15	15		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
đai				
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	45	45	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

- Võ Quang Minh và Lê Văn Khoa, 2013. *Giáo trình Quản lý và khai thác tài nguyên đất đai*. NXB Đại học Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo bổ sung

1. Trần Kông Tấu, 2002. *Tài nguyên đất*. NXB đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Lê Đức và Trần Khắc Hiệp, 2005. *Đất và bảo vệ đất*. NXB Hà Nội

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: QUẢN LÝ VÀ PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG NHÀ ĐẤT

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, thị trường bất động sản ngày càng được hình thành và phát triển. Ngày nay, thị trường bất động sản đã trở thành một bộ phận không thể thiếu trong hệ thống các loại thị trường của nền kinh tế quốc dân, nó có những đóng góp đáng kể vào việc ổn định xã hội và thúc đẩy nền kinh tế đất nước. Môn học nhằm giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về thị trường bất động sản; về quản lý Nhà nước và chính sách pháp luật với thị trường bất động sản; thực trạng thị trường bất động sản ở Việt Nam và một số nước trên thế giới; định giá, đăng ký, thông tin và kinh doanh bất động sản; những giải pháp cơ bản thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam.

8. Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về đất đai và làm thế nào ứng dụng các môn chuyên ngành đã học vào công tác quản lý thị trường đất đai hiện nay; Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về đất đai và giá trị đất đai thông qua thị trường đất đai; Trang bị cho sinh viên về phương pháp định giá trị đất đai và bất động sản nhà đất trong thị trường đất đai.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ ĐẤT ĐAI VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI 1. Khái niệm về đất đai 2. Sử dụng đất đai	6	6		
CHƯƠNG II: THỊ TRƯỜNG NHÀ ĐẤT 1. Khái niệm và vai trò của thị trường đất đai 2. Thị trường đất đai Việt Nam	6	6		
CHƯƠNG III: PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG NHÀ Ở VÀ ĐẤT Ở. 1. Quyền sở hữu và quyền sử dụng nhà đất đối với thị trường đất 2. Cầu và cung về nhà đất ở	6	6		
CHƯƠNG IV: TÀI SẢN NHÀ ĐẤT: GIÁ VÀ ĐỊNH GIÁ 1. Đặc điểm của tài sản nhà đất 2. Giá cả tài sản nhà đất 3. Định giá tài sản nhà đất	6	6		
CHƯƠNG V: QUẢN LÝ NHÀ Ở - ĐẤT Ở CỦA VIỆT NAM 1. Sự vận động của thị trường nhà đất theo cơ chế thị trường 2. Vai trò của nhà nước 3. Khung pháp luật về thị trường nhà đất	6	6		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Đỗ Hậu và Nguyễn Đình Bồng, 2015. *Quản lý đất đai và bất động sản đô thị*. NXB xây dựng.
2. Uyển Minh, 2008. *Nghiên cứu thị trường chiến lược thực dụng*
3. Luật Đất đai 2013
4. Luật kinh doanh Bất động sản và các văn bản thực hiện

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).

- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: QUY HOẠCH PHÂN BỐ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

2. Số tín chỉ: 3 (3,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai, Bất động sản

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 45 tiết (30 LT).

- Tự học: 90 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Phân tích sâu hơn về quy trình đánh giá đất đai với phương pháp thu thập các số liệu cho đánh giá và quy hoạch sử dụng đất đai và cách đánh giá phân tích các số liệu.

Giúp sinh viên xây dựng các quan điểm về tính bền vững trong vùng quy hoạch sử dụng đất đai với các số liệu cụ thể.

Giúp sinh viên hiểu và thực hành cụ thể theo quy trình quy hoạch sử dụng đất đai trên cơ sở các số liệu từ kết quả đánh giá đất đai cấp Xã ở Việt Nam.

8. Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về quy hoạch sử dụng đất đai và biết làm thế nào để giải quyết mâu thuẫn trong sử dụng đất đai; Trang bị cho sinh viên về phương pháp quy hoạch sử dụng đất đai, từ đó làm cơ sở cho sinh viên phân chia sử dụng đất đai trong thực tế; Giúp sinh viên nhận thức được các quan điểm quan trọng trong quy hoạch và sử dụng đất đai, sự tham gia và vai trò của các chủ thể trong quy hoạch sử dụng đất đai.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Phần I: Lý thuyết 1. Vai trò, nhiệm vụ công tác lập quy hoạch sử dụng đất đai cấp xã	20	20		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
2. Trình tự các bước lập quy hoạch sử dụng đất đai cấp xã 3. Nội dung các bước lập quy hoạch sử dụng đất đai cấp xã				
Phần II: Thực hành Bài 1: Công tác chuẩn bị và điều tra cơ bản Bài 2: Đánh giá điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội Bài 3: Đánh giá tình trạng quản lý và hiện trạng sử dụng đất đai Bài 4: Xây dựng các phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai và các giải pháp thực hiện Bài 5: Xây dựng báo cáo tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đai và báo cáo nhóm	25	25		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	45	45	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Lê Quang Trí, 2010. *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất đai (Land Use Planning)*. NXB Đại học Cần Thơ.
2. Trần Thị Vân- Phan Tấn Hải, 2012. *Quy hoạch chiều cao*. NXB Xây dựng Hà Nội.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai, Bất động sản

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường

7. Mô tả học phần:

Nội dung học phần cung cấp các kiến thức về việc phân tích chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, phân bố dân cư và lao động, cải tạo và phát triển mạng lưới cư dân, hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường để làm cơ sở để quy hoạch xây dựng phát triển các điểm dân cư, đặc biệt là đô thị, trong phạm vi toàn quốc hay trong các vùng lãnh thổ địa phương. Đồng thời cung cấp những nội dung cơ bản có tính chất nguyên lý thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị. Những quy định chi tiết liên quan đến tạo cảnh quan không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị nhằm giúp người học nắm vững những quy định của pháp luật liên quan đến công tác quản lý, quy hoạch đô thị.

8. Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm được các yêu cầu cơ bản trong việc bố cục không gian kiến trúc ở một khu chức năng hoặc toàn đô thị; Giúp cho sinh viên có cái nhìn nhận về đô thị qua các góc độ khác nhau và sự khác nhau về nguyên nhân, sự hình thành của đô thị Việt Nam so với các nước. Quá trình hình thành và phát triển các điểm dân cư trong quá trình đô thị hoá.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1: Khái niệm về đô thị và phát triển đô thị	5	5		
Chương 2: Đô thị hóa và quá trình phát triển đô thị	5	5		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 3: Thiết kế, xây dựng và quy hoạch phát triển đô thị	5	5		
Chương 4: Quy hoạch và xây dựng các khu chức năng trong đô thị	5	5		
Chương 5: Xây dựng và quản lý dự án	5	5		
Chương 6: Lập kế hoạch dự án	5	5		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Trần Trọng Hanh, 2008. *Công tác thực hiện quy hoạch xây dựng đô thị*. NXB xây dựng.
2. Lê Huy Bá, 2016. *Bảo vệ môi trường đô thị Việt Nam*. NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Thế Bá, 2012. *Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị*. NXB Xây dựng Hà Nội.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp kiến thức về quy hoạch và phát triển nông thôn, giúp sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về Quy hoạch và phát triển nông thôn (khái niệm về sự nghèo đói, thế nào là kém phát triển, ...), nắm được kiến thức cơ sở về sự phân hóa trong nông thôn, nguyên nhân và tình trạng nghèo đói ở nông thôn từ đó sinh viên có thể hiểu được các phương pháp phát triển nông thôn. Ngoài ra, sinh viên được cung cấp kiến thức các vấn đề liên quan đến xây dựng và quản lý dự án trong quy hoạch và phát triển nông thôn. Đây là kiến thức cơ bản giúp sinh viên sau khi ra trường có khả năng làm việc tại các phòng chức năng Quận, Huyện và Sở Tài Nguyên Môi Trường.

8. Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về nông thôn, điều kiện phát triển tại các vùng nông thôn; Trang bị cho sinh viên về phương pháp phân tích và tình hình kinh tế xã hội ở nông thôn, từ đó làm cơ sở cho sinh viên phân chia sử dụng đất đai trong thực tế.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1: Khái niệm về sự phát triển nông thôn	4	4		
Chương 2: Sự nghèo đói và kém phát triển	4	4		
Chương 3: Phát triển nông thôn	4	4		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 4: Nghiên cứu kinh tế xã hội	4	4		
Chương 5: Khảo sát điều tra và thiết kế	4	4		
Chương 6: Xây dựng cơ sở dữ liệu và phân tích số liệu	4	4		
Chương 7: Xây dựng và quản lý dự án	4	4		
Chương 8: Lập kế hoạch dự án	2	2		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Lê Quang Trí, 2010. *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất đai (Land Use Planning)*. NXB ĐH. Cần Thơ.
2. Phùng Chí Sỹ - Nguyễn Thê Tiên, 2014. *Quy hoạch môi trường*. NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
3. Luật Quy hoạch năm 2017

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: RÈN NGHỀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

2. Số tín chỉ: 2 (0,2).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 60 tiết (30 LT).

- Tự học: 120 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

- Giúp sinh viên có thể hiểu và nhận dạng được các tầng chẩn đoán, đặc tính chẩn đoán, vật liệu chẩn đoán

- Giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, nguyên lý trong phân loại đất

- Giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức để có thể phân loại được cơ bản phẫu diện đất, các đặc tính hình thái, lý hoá học của một loại đất đã được phân loại

- Giúp cho sinh viên vận dụng các kiến thức để thành lập được bản đồ đất.

8. Mục tiêu học phần:

Hướng dẫn cho sinh viên tiếp cận các kiến thức thực tế tại địa phương. Từ kết quả đã được học tập ở trường, sinh viên sẽ được tiếp cận điều kiện thực tế ở các đơn vị chuyên ngành có liên quan như quy hoạch sử dụng đất, đo đạc, pháp luật, thanh tra đất đai, các ứng dụng của tin học, GIS, viễn thám, phân hạng, định giá, giải tỏa bồi hoàn, giải quyết tranh chấp, v.v. Từ đó sinh viên có các nhận định so sánh, đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã được trang bị, nhằm củng cố các kiến thức, tạo cho bản thân có sự tự tin,...

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Bài 1: Giới thiệu tổng quan, yêu cầu, mục đích	20		20	

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
môn học, phương thức thực hiện				
Bài 2: Thực hiện giải quyết các trường hợp cụ thể ở địa phương (Sở tài nguyên, môi trường, Phòng Quản lý đô thị, Văn phòng đăng ký đất đai, Ban giải phóng mặt bằng, VP đăng ký đất, trung tâm phát triển quỹ đất, ... (60t)	20		20	
Bài 3: Báo cáo tổng hợp, nhận định đánh giá kết quả, đề xuất(20t)	20		20	
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	60		60	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Đỗ Hậu và Nguyễn Đình Bồng, 2015. *Quản lý đất đai và bất động sản đô thị*. NXB xây dựng.
2. Phùng Chí Sỹ - Nguyễn Thế Tiến, 2014. *Quy hoạch môi trường*. NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Bá Quang - Phạm Khánh Toàn, 2012. *Những kiến thức cơ bản về GIS và ứng dụng trong quy hoạch xây dựng đô thị*. NXB Xây dựng Hà Nội.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Làm một đề tài lớn).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: SINH THÁI MÔI TRƯỜNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật Môi trường, Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (20 LT, 10 TH, 0 KT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường

7. Mô tả học phần:

Sinh thái học và bảo vệ môi trường; cơ sở sinh thái học; một số hệ sinh thái điển hình liên quan đến bảo vệ môi trường; chỉ thị sinh thái của môi trường; đa dạng sinh học và tuyệt chủng; ô nhiễm môi trường và các hệ quả về sinh thái. Biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu.

Chương I: Sinh thái học và bảo vệ môi trường

Chương II: Cơ sở sinh thái học

Chương III: Một số hệ sinh thái điển hình liên quan đến bảo vệ môi trường

Chương IV: Chỉ thị sinh thái môi trường

Chương V: Đa dạng sinh học

Chương VI: Sự ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu

8. Mục tiêu học phần:

- **Về kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của cơ sở sinh thái học và một số hệ sinh thái điển hình liên quan đến bảo vệ môi trường; các hệ quả về sinh thái do ô nhiễm môi trường. Ứng dụng các nguyên lý của sinh thái học vào quản lý, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Giới thiệu tổng quát về biến đổi khí hậu và các giải pháp thích ứng.

- **Về kỹ năng:** Phát huy các kỹ năng làm việc nhóm, có tư duy nhạy bén và sáng tạo trong việc ứng dụng các kiến thức về sinh thái vào công tác quản lý và bảo vệ môi trường.

- **Về thái độ:** Hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và công việc, yêu nghề và có chuẩn mực, đạo đức nghề nghiệp.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	BT	KT
Chương I: Sinh thái học và bảo vệ môi trường	3	3		
1.1. Con người và môi trường				
1.2. Mối quan hệ giữa sinh thái học và kỹ thuật môi trường				
1.3. Lịch sử, đối tượng, nhiệm vụ và ý nghĩa môn học				
Chương II: Cơ sở sinh thái học	3	3		
2.1. Khái niệm chung về sinh thái học				
2.2. Các phương pháp nghiên cứu				
2.3. Môi trường và các nhân tố sinh thái				
2.4. Ảnh hưởng của điều kiện môi trường lên sinh vật và sự thích nghi của sinh vật				
2.5. Phản ứng của sinh vật đối với tác động của nhân tố môi trường				
2.6. Sinh thái học quần thể				
2.7. Sinh thái học quần xã				
2.8. Hệ sinh thái				
2.9. Sinh thái học hệ thống và mô hình hóa sinh thái				
Chương III: Một số hệ sinh thái điển hình liên quan đến bảo vệ môi trường	3	3		
3.1. Sinh thái học nguồn nước				
3.2. Sinh thái học đô thị				
3.3. Đô thị hóa và hệ quả của quá trình đô thị hóa				
3.4. Khái niệm về sinh thái học công nghệ				
Chương IV: Chỉ thị sinh thái môi trường	3	3		
4.1. Khái niệm				
4.2. Một số nguyên tắc cơ bản khi sử dụng sinh vật chỉ thị				

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	BT	KT
4.3. Phân loại sinh vật chỉ thị				
4.4. Những loài chỉ thị và sự quan trắc môi trường bằng sinh học				
4.5. Các loài sinh vật chỉ thị				
4.6. Chỉ thị sinh học trong quan trắc môi trường không khí				
4.7. Chỉ thị sinh học trong quan trắc môi trường nước				
4.8. Chỉ thị sinh học trong quan trắc môi trường đất				
4.9. Sinh vật chỉ thị cho rừng ngập mặn				
Chương V: Đa dạng sinh học	5	5		
5.1. Khái niệm về đa dạng sinh học và tuyệt chủng				
5.2. Sự đa dạng trong sinh quyển				
5.3 Tầm quan trọng của đa dạng sinh học và bảo vệ đa dạng sinh học				
5.4 Tuyệt chủng với tính chất là một quá trình tự nhiên				
5.5 Sự giảm sút đa dạng sinh học do tác động của con người				
5.6 Các khu bảo tồn sinh thái và những hoạt động bảo tồn thiên nhiên				
Chương VI: Sự ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu	3	3		
6.1. Ô nhiễm môi trường				
6.2. Biến đổi khí hậu và các hệ quả của biến đổi khí hậu				
6.3. Sự suy thoái môi trường sống				
6.4. Một số phương hướng chính trong bảo vệ môi trường				
<i>Thuyết trình nhóm</i>	<i>10</i>		<i>10</i>	
TỔNG SỐ	30	20	10	

8. Phần tài liệu tham khảo:

- i. Lê Huy Bá, Lâm Minh Triết, 2015. *Sinh thái môi trường ứng dụng*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố HCM. MSPL 354.3 B.100/2015.
- ii. Nguyễn Thị Kim Thái, Lê Thị Hiền Thảo, 2012. *Sinh thái học và bảo vệ môi trường*. NXB Xây dựng. MSPL 577.27 Th.103/2012.

- iii. Lê Hồng Lan Chi - Bùi Lê Thanh Khiết - Đào Thanh Sơn, 2014. *Độc học sinh thái*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố HCM. MSPL 363.73 Ch.300/2014.
- iv. Trương Hoàng Đan và Bùi Trường Thọ, 2011. *Giáo trình Quản lý chất lượng môi trường*. NXB Đại học Cần Thơ. MSPL 354.3.075 Đ.105/2011.
- v. Lê Huy Bá, Thái Vũ Bình, Võ Đình Long, 2016. *Quản lý môi trường (phần chuyên đề)*. NXB Đại học Quốc gia TP. HCM. MSPL 354.3 B.312/2016.

9. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận/trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: THANH TRA VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản pháp luật về thanh tra, như: Khái niệm, hình thức, nguyên tắc hoạt động thanh tra; lịch sử ngành thanh tra; cơ cấu tổ chức, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của hệ thống thanh tra chuyên ngành đất đai, thanh tra viên, thanh tra nhân dân; trình tự, thủ tục, cách thức tiến hành một cuộc thanh tra cũng như xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động thanh tra.

8. Mục tiêu học phần:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thanh tra và cách giải quyết những vấn đề liên quan đến việc tranh chấp đất đai, khiếu nại và giải quyết khiếu nại cũng như là các hình thức giải quyết khiếu nại và tố cáo đất đai.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC THANH TRA 1. Khái niệm và đặc điểm về thanh tra, kiểm tra 2. Về hệ thống tổ chức và hoạt động của cơ quan thanh tra 3. Nguyên tắc hoạt động thanh tra 4. Chứng cứ trong hoạt động thanh tra, trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, trong giải quyết tranh chấp	6	6		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
đất đai				
CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG 1. Hệ thống tổ chức của thanh tra TN và MT 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra TN và MT 3. Nội dung hoạt động của thanh tra về đất đai 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn thanh tra và Thanh tra viên 5. Trình tự tiến hành một cuộc thanh tra 6. Một số tình huống trong công tác thanh tra	6	6		
CHƯƠNG 3: KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ ĐẤT ĐAI 1. Khái niệm 2. Quyền và nghĩa vụ các bên trong quan hệ khiếu nại 3. Nguyên tắc giải quyết khiếu nại 4. Các quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính về đất đai bị khiếu nại 5. Trình tự giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính về đất đai của Chủ tịch UBND cấp huyện 6. Trình tự giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính về đất đai của Chủ tịch UBND cấp tỉnh 7. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính 8. Một số tình huống khiếu nại và giải quyết khiếu nại	6	6		
CHƯƠNG IV: TỔ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỔ	6	6		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
CÁO VỀ ĐẤT ĐAI 1. Khái niệm 2. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo 3. Quyền và nghĩa vụ của người bị tố cáo 4. Quyền và nghĩa vụ của người giải quyết tố cáo 5. Nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo 6. Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong cơ quan hành chính nhà nước 7. Thủ tục giải quyết tố cáo 8. Một số tình huống về tố cáo và giải quyết tố cáo				
CHƯƠNG V: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ ĐẤT ĐAI 1. Khái niệm về tranh chấp và giải quyết tranh chấp đất đai 2. Một số dạng tranh chấp đất đai 3. Nguyên nhân tranh chấp đất đai 4. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai 5. Trình tự giải quyết tranh chấp đất đai 6. Căn cứ để giải quyết tranh chấp đất đai 7. Một số tình huống về giải quyết tranh chấp đất đai	6	6		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Trịnh Hữu Liên và ctv, 2015. *Giáo trình thanh tra đất đai*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
2. Luật Thanh tra năm 2010.
3. Luật Khiếu nại năm 2011

4. Luật Tổ cáo năm 2011

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Tự luận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: THỔ NHƯỠNG

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Học phần gồm các vấn đề sau:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguồn gốc quá trình hình thành đất, thấy được tầm quan trọng của lớp thổ nhưỡng trong tự nhiên và sản xuất, thành phần cấu tạo, tính chất hoá lý của đất, qui luật phân bố địa lý, về những tiến trình tương tác với môi trường xung quanh có liên quan đến độ phì của đất, hình thái phẫu diện đất. Cho sinh viên làm quen với các chỉ tiêu hoá lý của đất, mối tương quan của chúng và sử dụng trong đánh giá độ phì của đất. Giới thiệu hệ thống phân loại đất, nhấn mạnh đến các loại đất có ở ĐBSCL. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về các tiến trình xảy ra trong đất. Từ đó tạo cho sinh viên có ý thức và phương pháp quản lý sử dụng đất phù hợp, duy trì và nâng cao độ phì, bảo vệ tài nguyên đất đai.

8. Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, thành phần cấu tạo, tính chất hoá lý của đất, qui luật phân bố địa lý, về những tiến trình tương tác với môi trường xung quanh có liên quan đến độ phì của đất. Cho sinh viên làm quen với các chỉ tiêu hoá lý của đất, mối tương quan của chúng và sử dụng trong đánh giá độ phì của đất. Giới thiệu hệ thống phân loại đất, nhấn mạnh đến các loại đất có ở ĐBSCL.

Môn học cho sinh viên thấy được tầm quan trọng của lớp thổ nhưỡng trong tự nhiên và sản xuất. Từ đó tạo cho sinh viên có ý thức về quản lý sử dụng đất phù hợp, duy trì và nâng cao độ phì, bảo vệ tài nguyên đất đai.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
CHƯƠNG I: NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH VÀ HÌNH THÁI ĐẤT 1. Khái quát về quá trình hình thành đất 2. Các yếu tố hình thành đất: Mẫu chất và quá trình phong hoá, khí hậu, địa hình, sinh vật, thời gian và con người 3. Hình thái phẫu diện đất	5	5		
CHƯƠNG II: THÀNH PHẦN CẤU TẠO ĐẤT 1. Thành phần rắn: Thành phần khoáng nguyên sinh, Thành phần khoáng thứ sinh 2. Chất hữu cơ 3. Thành phần pha lỏng 4. Thành phần pha khí	5	5		
Chương III: Hoá học đất 1. Keo đất và sự hấp phụ cation 2. Hấp phụ trao đổi cation trong đất 3. Độ chua pH của đất 4. Tính đệm của đất do hệ hấp phụ trao đổi và phức hệ acid base trong dung dịch đất 5. Nhu cầu vôi 6. Phản ứng oxy hoá khử 7. EC và độ mặn của đất 8. Trạng thái và sự chuyển hoá các nguyên tố quan trọng đối với cây trồng trong đất	5	5		
CHƯƠNG IV: VẬT LÝ ĐẤT 1. Thành phần cơ giới đất 2. Cấu trúc đất 3. Tính chất cơ vật lý của đất 4. Các tính vật lý cơ bản của đất: dung trọng, tỉ trọng, độ xốp, ẩm độ, độ thấm. 5. Tính chất nước trong đất: các hàng số nước, tiềm thế nước, đường cong pF	5	5		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
6. Nhu cầu nước				
CHƯƠNG V: CÁC TIẾN TRÌNH TRONG ĐẤT 1. Các tiến trình trong đất ngập nước 2. Tiến trình hình thành đất phèn tiềm tàng 3. Tiến trình hình thành đất phèn hoạt động 4. Tiến trình sodic hoá 5. Trục di và tích tụ các vật liệu trong đất	5	5		
CHƯƠNG VI: PHÂN LOẠI ĐẤT 1. Tổng quan về phân loại đất 2. Giới thiệu các nguyên tắc phân loại đất theo trường phái phát sinh, của Bộ Nông Nghiệp Mỹ, và FAO 3. Tầng chẩn đoán và đặc tính chẩn đoán trong hệ thống phân loại Bộ Nông Nghiệp Mỹ 4. Các cấp phân loại và các bộ đất ở ĐBSCL theo bộ nông nghiệp Mỹ 5. Chú dẫn hệ thống phân loại của FAO 6. Phân bố và tính chất của một số loại đất của ĐBSCL	5	5		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Lê Văn Khoa và Trần Bá Linh, 2013. Giáo trình Bạc màu đất và bảo tồn tài nguyên đất. NXB Đại học Cần Thơ
2. Lê Quang Trí, 2010. Giáo trình Đánh giá đất đai. NXB Đại học Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo bổ sung

1. Chemistry in the Soil Environmenta. ASA Special Publication Number 40, SSSA 1981. Published by the American Society of Agriculture and The soil Science Society of America.
2. Cycles of soils (C.N.P.S) Stevenson, 1986.
3. David Dent, 1986. Acid sulfate soils: A baseline for research and Development. Printed by HLI, Wagennigen, The Netherlands

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: THỐNG KÊ VÀ CHÍNH LÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI

2. Số tín chỉ: 2 (2,0).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai, Bất động sản

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 30 tiết (30 LT).

- Tự học: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Thống kê - chính lý biến động đất đai là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý nhà nước về đất đai đây là một thủ tục hành chính bắt buộc đối với người sử dụng đất nhằm thiết lập và hoàn thiện hồ sơ địa chính, đã được Luật Đất đai năm 2003 quy định. Trong tình hình hiện nay, để đảm bảo quản lý chặt chẽ quỹ đất trong phạm vi cả nước, đảm bảo cho đất đai được sử dụng đầy đủ, hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả cao thì công tác thống kê – chính lý biến động là một yêu cầu bức xúc

8. Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên một số kiến thức về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thống kê và chính lý biến động đất đai.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ YÊU CẦU CHÍNH LÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI. 1. Khái niệm về đất đai, quyền sử dụng đất và hồ sơ địa chính 2. Những văn bản liên quan đến chính lý biến động đất đai 3. Mục đích yêu cầu của việc chính lý biến động đất đai	8	8		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
CHƯƠNG II: KHÁI QUÁT VỀ VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CHÍNH LÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI Ở VIỆT NAM	4	4		
CHƯƠNG III: ỨNG DỤNG PHẦN MỀM VILIS TRONG CHÍNH LÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI 1. Quy trình chung về đăng ký biến động 2. Biến động về hồ sơ 3. Biến động về bản đồ. 4. Quản lý biến động	8	8		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Thông tư 28/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 02 tháng 6 năm 2014 về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
2. Thông tư 60/2015/TT-BTNMT kỹ thuật điều tra đánh giá đất đai.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Trắc nghiệm).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: TIN HỌC ỨNG DỤNG KỸ THUẬT 1 (AUTOCARD 2D)

2. Số tín chỉ: 2 (0,2).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai, Bất động sản, Kỹ thuật công trình xây dựng

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 60 tiết (60 TH).

- Tự học: 120 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường

7. Mô tả học phần:

Học phần gồm các vấn đề sau:

Chương 1: Giới thiệu về Autocard

Chương 2: Vẽ chính xác trong Autocard

Chương 3: Các lệnh vẽ hình

Chương 4: Ghi kích thước

Chương 5: Các lệnh hiệu chỉnh hình vẽ

Chương 6: Block và in bản vẽ

8. Mục tiêu học phần:

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các lệnh vẽ trong mặt phẳng hai chiều, ứng dụng vào thực tế.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 1: Giới thiệu về Autocard	10	10		
Chương 2: Vẽ chính xác trong Autocard	10	10		
Chương 3: Các lệnh vẽ hình	10	10		

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chương 4: Ghi kích thước	10	10		
Chương 5: Các lệnh hiệu chỉnh hình vẽ	10	10		
Chương 6: Block và in bản vẽ	10	10		
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	60		60	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Tiến, 2010. *Vẽ kỹ thuật bằng Autocad*. NXB Giáo dục.
2. Phạm Nguyễn Tân Long, 2011. *Kỹ năng & thủ thuật t/kế bản vẽ AutoCad 2008 Pro*. NXB Hồng Đức.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh).
- Thường xuyên: 30% (Bài tập).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: Thi trên máy tính).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

2. Số tín chỉ: 4 (0,4).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai

5. Phân bổ thời gian:

- Trên lớp: 120 tiết (120 TH).

- Tự học: 240 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường.

7. Mô tả học phần:

Học phần gồm các vấn đề sau:

Môn học giúp người học thuộc chuyên ngành quản lý đất đai tự ôn lại các kiến thức cơ bản chuyên ngành quản lý đất đai. Vận dụng kiến thức vào việc xử lý công việc thực tế tại đơn vị thực tập. Nắm bắt cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của đơn vị quản lý nhà nước về đất đai.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu của môn học là giúp sinh viên có kiến thức thực tế khi thực tập ở một cơ quan địa phương do sinh viên chọn.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chọn 1 trong các đơn vị sau để đi thực tập	120		120	
1. Văn phòng Đăng ký đất đai				
2. Ủy ban nhân dân các cấp				
3. Sở Tài nguyên và Môi trường				
4. Phòng Tài nguyên và Môi trường				
5. Phòng Quản lý đô thị				

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
6. Công ty bất động sản				
7. Công ty về đo đạc – bản đồ				
8. Công ty kế hoạch quy hoạch sử dụng đất				
<i>Kiểm tra</i>	<i>1</i>			<i>1</i>
Tổng	30	30	0	1

10. Phần tài liệu tham khảo:

- Bài phúc trình thực tập chuyên ngành của các khoá - Bộ môn Quản lý đất đai của các khóa

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh vào các buổi tập trung 1 lần/2 tuần).
- Thường xuyên: 30% (đánh giá quá trình thực tập bởi đơn vị nhận thực tập).
- Thi cuối kỳ: 50% (Báo cáo trước hội đồng đánh giá).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: TIỂU LUẬN TỐT NGHIỆP

2. Số tín chỉ: 2 (0,2).

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Quản lý Đất đai.

5. Phân bổ thời gian:

- Tự nghiên cứu: 60 tiết.

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):

Khoa Kiến trúc - Xây dựng & Môi trường

7. Mô tả học phần:

Môn học giúp người học thuộc chuyên ngành quản lý đất đai tự ôn lại các kiến thức cơ bản chuyên ngành quản lý đất đai.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu của môn học là giúp sinh viên thực hiện được một nghiên cứu khoa học về chuyên ngành Quản lý đất đai qua việc làm đề cương nghiên cứu, bài tập ở mức độ quy mô nhỏ.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
Chọn 1 trong các lĩnh vực sau 1. GIS - Viễn thám 2. Mô phỏng, dự báo, dự đoán 3. Đo đạc, vẽ bản đồ – thiết kế cảnh quan 4. Đánh giá đất và quy hoạch phân bố sử dụng đất 5. Quy hoạch nông thôn 6. Tài nguyên đất đai 7. Phong thủy 8. Bất động sản	60		60	

NỘI DUNG	PHÂN PHỐI THỜI GIAN			
	TS	LT	TH	KT
9. Quản lý nhà nước về đất đai				
10. Các lĩnh vực khác liên quan đến tài nguyên đất đai				
Tổng	60	0	60	

10. Phần tài liệu tham khảo:

11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Báo cáo trước Giảng viên hướng dẫn.